Năm thứ hai — Số 54
Tuần - lễ từ thứ tư 8
đến thứ ba 14 Juillet 1942

TRI TÂN

Tạp-chí văn-hóa ra hằng tuần
Tòa báo 195, Phố Hàng Bông, Hà-nội

LỊCH SỬ

Trong số này :

Vài cái liệt điểm của một số nhà văn ta — Tra nghĩa chữ nho (VIII) — Giá trị một bản dịch — Những ông nghè triều Lê (XXVII) Tài-liệu để đính - chính những bài văn cổ (XXXI) — Ban-mê-thuột (lữ-ký, II) — Mấy lời cuối-cùng cùng ông Việt-Thường — Phê-bình « Hương cố-nhân » — Thi-nhân với lý-tưởng — Trúc mai sum - họp (III).

GIÁ BÁO

Mỗi số	1 năm	6p30
16 xu	6 tháng	3.50
	3 —	1.80

Công sở giá gấp đôi

VÀI CÁI LIỆT-ĐIỂM CỦA MỘT SỐ NHÀ VĂN TA

HOA-BẰNG

«VẠCH áo cho người xem lưng »! Vẫn biết thế. Nhưng chân-lý buộc tôi nay phải nói rõ những điều không muốn nói.

Mấy cái liệt điểm mà tôi bất đắc dĩ phải kể ra sau đây nó đã thành như một thứ ung độc gieo tai rắc hại trong làng văn, làng báo ta hàng bao lâu nay rồi! Nếu cứ ẩn-nhẫn, không ai chịu đứng lên, mạnh-bạo cắt bỏ ung độc ấy đi thì nó còn lưu tệ mãi mãi, biết đến bao giờ cho khỏi được!

Nói toạc ra đây, tôi chỉ cốt nêu làm bài châm xét mình theo phương-pháp « tam tỉnh » của thày Tăng-tử, một nhà hiền-triết đông-phương, đề : « Hữu, tắc cải chi ; vô, tắc gia miễn ». (Có thế thì sửa đổi đi ; không thế thì cố-gắng thêm lên) Những liệt điểm sẽ kể đây chỉ là cử lệ đó thôi, và chỉ phiếm chỉ đó thôi, chứ không hề có ý công-kích riêng ai hết.

Trong làng văn ta, cố nhiên cũng như nhiều giới khác : hạng chắc có, hạng tạp có, hạng tốt có, hạng xấu cũng không phải không. Nên trong bài này, tôi chỉ nói là « một số nhà văn » thôi, chứ không dám vơ đũa cả nắm.

Cứ như tôi đã nhận xét, thì số người ấy, vì có những liệt-điểm sau này, không sao tấn-tới lên được. Vả, họ làm loạn tai mắt thiên-hạ khiến người ta có khi lầm vàng với thau, hột chai với mắt cá. Vậy, đứng lên bài-trừ cái nạn ấy, tưởng cũng không phải là một việc không cần kíp trong lúc này.

∴

1. Phê-bình lẫn nhau để tâng-bốc lẫn nhau. — *Muốn cho người ngoài phải chú ý đến mình, nhưng ban đầu người ta không chịu làm việc với kiên-nhẫn, với lặng-lẽ, chỉ những lăm-le chực giật lấy « cây gậy Thống-chế » trong làng văn, để bước lên tòa lâu-đài hư danh, hòng khoe-khoang lòe-loẹt với bà con bạn hữu!*

Vì ý nghĩ bất chính như thế, nên lắm người đã tìm hết những phương-pháp bất-chính để làm cho kỳ đạt cái mục-đích bất chính.

Khoảng những năm 1934, 1935, 1936, ở đây nổi lên phong-trào phê-bình. Người ta khoác bộ áo « phê-bình » để thực hành cái dã-tâm tâng-bốc lẫn nhau, quảng-cáo lẫn nhau. Anh Giáp viết đến mấy kỳ báo, ca-tụng văn-nghiệp (!) của anh Ất ; rồi anh Ất, để « thết lại », lại viết hàng mớ bài tán-dương về văn-tài, về tác-phẩm của anh Giáp. Nhưng bạn đọc giả chịu khó tò-mò đôi chút, sẽ biết rõ ngay hai anh ấy là bạn « nối khố » nhau, họ vì muốn « dậy non », nên mới lợi-dụng tờ báo làm lợi khí để côông-kêêng lẫn nhau lên chín tầng mây biếc như thế.

Đáng tức cười hơn nữa : cùng trong một tòa soạn, cùng trong một đoàn văn, họ lại giở ngón quá « chướng » là phê-bình tác-phẩm của nhau với một giọng khen-ngợi hết lời, hoan-hô nhiệt-liệt!

2. Tự khen mình bằng cách đội một tên khác hoặc bênh-vực mình bằng cách kéo bạn đến « đánh hôi ». — *Nay cũng như trước, lắm người có những hành-vi rất khả-bỉ : Ra một cuốn sách hay một tập thơ, họ muốn làm cho sôi-nổi dư-luận, họ hết sức bới đào trong óc cố kiếm lấy một « thuật » chực làm cho sách chạy...*

Có khi họ nói dựng đứng hay mọc xưng lên rằng một nhà tai to mặt lớn nào đó đang đầu đơn kiện họ về việc họ đã có can-đảm nói rõ sự-thực giữa ông thân nhà ấy và vai chủ động trong sách kia ..

Tin vịt ấy phao ra quả có công-hiệu trong nhất thời : dư-luận phải chú ý đến, báo-giới phải bàn tán đến, có khi phóng-viên nhà báo phải thân đến tận người được bầu làm « nguyên đơn » để hỏi rõ công-chuyện. Té ra đó chỉ là một «thuật» của tác-giả sách ấy muốn « câu » độc-giả trong khi người ngoài đương lặng-lẽ làm thinh...

Nhưng cái « thuật » đó còn có thể tha-thứ được, vì đó chỉ là một ngón ranh-mãnh vô-hại, chứ đến những cái dạng tâm của hạng người sau đây mới rất đáng kết án :

Mấy hôm trước, nhà báo vừa nhận được một tập thơ rất soàng gửi tặng. Thì nay lại tiếp luôn được một tên ký khác với tự-dạng khác gửi đến một bài phê-bình tập thơ ấy.

Họ viết khôn-khéo lắm : Tỉ-mỷ kỹ-càng lấy ra từng chữ, trích lấy từng câu với một giọng phê-bình không quá tâng-bốc nhưng rất đậm-đà niềm-nở. Cuối bài, bình-giả lại tỏ ra rất « láu » ở chỗ : không quên chê khéo một vài lời trong tập thơ ấy, nhưng viết ra một cách vô hại dưới ngòi bút phơn-phớt, nhẹ-nhàng.

Dầu sao, hạng này cũng đáng khép vào tội « lừa-gạt! »

Nhẹ tội hơn hạng trên, có kẻ, sau khi sách ra, lại « vận-động » với những cây bút có tiếng viết bài phê-bình sách mình bằng một thứ cảm tình rất nồng-nàn đằm-thắm. Ấy là tôi không muốn kể đến một hạng con buôn « hối-lộ » kẻ phê-bình bất chính để làm quảng-cáo rẻ tiền cho sách mình

Một cái khốn-nạn nữa : có kẻ bị người ta công-kích một tác-phẩm mình, cuống lên, vội đi tìm người cứu-viện. Đó vì họ thấy mình không đủ sức tự vệ, nên mới lật-đật đi nhờ bạn hữu cũng vác « khí-giới » bằng ngòi bút đứng bên « hàng-ngũ » mình, làm công việc « đánh hôi ». Đó vì họ tưởng một mình thế cô, không chống đỡ nổi những đòn nặng của bên địch, nên mới vội kéo người khác vào cánh mình, đứng sau làm hậu-thuẫn để cho lực-lượng mình thêm mạnh. Nhưng có biết đâu hành-động ấy chỉ tỏ mình là một cây bút vô lực, bất tài!

3. Trích lấy ít lời khen trong thư riêng hoặc trong bài phê-bình làm bùa hộ thân. — *Người yếu bóng vía thường tìm kế hộ thân bằng những lá dấu. Nhà mới của gia-đình mê-tín thường cầu bình-an trong lá bùa trấn chạch. Không ngờ trong làng văn cũng có kẻ chung một tâm-lý ấy!*

Để quảng-cáo cho sách họ, họ trích lấy ít lời trong những bức phúc thư của một vài bậc đàn anh trong văn-học-giới. Làm vậy, họ cho là đắc sách lắm vì tưởng đã ẩn-náu được yên ổn — có khi còn nổi danh là khác nữa — sau những lá bùa hộ thân! Nhưng nào có hay đó chính là những nhược-điểm, những vụng-về của họ. Vì ai chẳng biết thư từ trên trường giao-tế bao giờ cũng nhuộm đằm một màu « ngoại giao » Nếu nhận lầm những lời khuyến-khích làm lời « ca-tụng », họa chăng chỉ có những người thiếu trí suy-xét, hay quá hơn nữa, hạng con nít mới lên ba!

Có kẻ lại hay rao lớn cho mọi người phải để ý đến tác-phẩm mình : thường trích lấy ít lời trong một bài phê-bình của cây bút đứng-đắn để làm quảng-cáo. Cái lối này ta thường thấy rất thông hành trong ít lâu nay.

Phải, trong một bài phê bình dù có tính cách bắt bẻ nghiêm-khắc đến đâu, làm gì cũng chẳng có được lấy mấy câu ngọt ngào khuyến-khích hoặc vẻ-vuốt yên-ủi, hoặc niềm-nở vỗ-về... Nắm được những chỗ ấy, họ khôn-ngoan lợi-dụng ngay : trích lấy ít lời khen ấy làm bùa hộ mệnh. Nhưng, rút cục, lối quảng-cáo khôn-khéo đó chỉ như cái thúng vẫn không sao úp kín những chỗ hỏng, chỗ dở của « con voi »!

4. Nhờ người có tiếng để tựa để nắm làm « cây gậy » cho quốn sách mình. — *Chẳng những bây giờ, cả từ ngày xưa cũng vậy, nhiều người thường có óc ỷ-lại, không lo tự-lập, chỉ chực mượn nhờ « bóng vía » của người có danh-vọng hoặc có thế-lực, để làm « cây gậy » cho minh nắm chắc đi vào làng văn...*

Vừa thoạt mở cuốn « An-nam chí lược » của Lê Tắc, tôi phải bực mình ngay vì thấy ở đầu sách đã in đến hàng ngót chục bài tựa của các ông tàu! Những bài ấy tuyên một tính-cách hoặc giới-thiệu hoặc tán-dương người viết sách!

Có cần chi phải thế! Nếu cuốn sách mình có giá-trị? Thì sự-thực trong đó nó sẽ trả lời. Nếu sách không ra gì? Thì dù núp sau hàng vạn bài tựa của những người có thế-lực đến đâu cũng quyết không thể đứng làm thầy cãi mà bào-chữa che-chở nổi những chỗ dở, những cái vụng và những điểm sai lầm của mình được

Nhiều tác-giả thường có cái tâm lý như một cô dâu : bẽn-lẽn, ngập ngừng, chỉ muốn đi sát vào giữa những cô phù dâu để chực nhờ họ làm những cái mộc che đỡ những khóe mắt nhìn chòng-chọc của kẻ khác Nhưng nếu cô dâu quả thực xấu người, thì dù các bạn phù dâu có đẹp như tiên sa đi nữa cũng không sao ngăn được nổi những cái bĩu môi trề mỏ của đám người đứng xem.

Lắm người không có tinh-thần tự lập, tưởng những lời tựa của ngòi danh bút tất có ảnh-hưởng tốt đến tác-phẩm mình, nên họ thường cố cầu-cạnh nhờ mượn người đẹp đi phù dâu để đưa «cô-dâu» về nhà chồng!

Làm vậy, tôi tưởng chỉ là một lối tỏ ra giàu tính ỷ-lại.

Trong những lời quảng-cáo sách mới xuất bản, người ta thường không quên rao : có tựa của ông kia, ngài nọ .. Nếu mấy giòng ấy lọt đến mắt hạng người có óc phán đoán, chắc người ta sẽ phải nhích mép cười! «Làm gì mà to chuyện thế! Thật đứng vác ông

nọ, lôi ngài kia ra lòe chúng tôi, vì chúng tôi chỉ thờ chân lý. Nếu ông nọ ngài kia mà viết dở, cũng còn khó tránh khỏi búa rìu của nhà phê bình chân-chính thay, lọ là còn cứu chữa nổi ai được ? »

5. Cố-ý mạt-sát người khác, mong chiếm độc quyền những tiếng khen-tặng. — *Cái danh chân chính bao giờ cũng vẫn là cái danh đáng trọng. Cuộc đời sở dĩ tiến-hóa, một nước sở dĩ sống còn, là nhờ ở tâm lý người ta biết trọng cái danh chân chính. Đến cái phù danh, trước cặp mắt đạt quan, chỉ là một mảnh mây trôi, một cái bong bóng sà phòng óng ánh !*

Ấy thế mà lắm kẻ, chỉ vì hám cái phù danh, đang tâm lê gót giày lên trên tình bạn hữu, hạ chân lý xuống tận bùn đen. Tưởng mình như thánh, như thần, còn ngoài ra, nhất là những địch thủ trong làng văn, làng báo, theo họ, toàn là « đạn chim chưa vỡ bọng » cả !

Chưa đọc hết, có khi không thèm xem qua, một bài văn của người khác, họ đã dài mồm chê bai! Chưa mở lấy một trang sách, chưa rờ đến một tờ báo của bạn đồng-nghiệp, họ đã in trí là viết không thành câu, và hơn nữa, hạ ngay những lời mạt-sát thậm tệ ! Trong khi tiếp khách nói chuyện, họ không nhớ rằng « cái tôi là cái đáng ghét », song chỉ hết sức khoe-khoang về mình ; còn những người khác dù đã lập được biết bao « chiến-công » rực-rỡ trên trận bút trường văn, cũng chỉ đáng một con « số không », theo ý họ !

Trong tập Trung-quốc hồn, *nhà học-giả Lương Khải-Siêu có chia người Tàu làm nhiều phái, tôi thấy tựu-trung có phái « tiểu-mạ » là giống hạng người trên đây.*

Nhìn mọi vật bằng cặp kính xanh, phái « tiểu-mạ » này thấy vật gì cũng là xanh cả. Họ có những thành-kiến rất kỳ-cục ! Họ ôm những ý kiêu-ngạo vô lượng, vô biên ! Không bao giờ họ chịu nhớ đến câu : « Yêu đấy nhưng vẫn biết cái xấu, ghét đấy nhưng vẫn biết cái tốt của người khác ».

6. Không biết vạch riêng đường đi, chỉ hay ùa-ạt theo mù. — *Trong làng văn, làng báo ta, cũng như nhiều giới khác, phần đông kém trí phán-đoán, thường hay nhắm mắt theo người. Nhưng cái bịnh ấy, không phải bây giờ mới phát, mà có lẽ nó là một chứng di-truyền từ mấy nghìn năm đã ăn sâu vào mạch máu nhiều người !*

Xưa học chữ hán, người ta không dám nói khác với những kiến-giải của tiên nho, không dám đi trật ra ngoài khuôn sáo của « tiền hiền », người ta cắm đầu nhai lại những « bã-rả » của cổ nhân mà không nhớ đến thời-gian nữa !

Còn nay ? Cũng không khỏi sa vào cái vòng luẩn-quẩn ! Xếp đặt một tờ báo ? Người ta muốn theo cho được giống hệt hình-thức một tờ báo tây. Viết câu văn quốc-ngữ ? Người ta, từ cách dùng chữ đến lối đặt câu, làm như dịch theo nguyên-văn của người ngoại-quốc !

Hồi 1926-1929, thấy một vài tờ báo, một vài cuốn sách đeo cái lá nhãn « ái-quốc », người ta cũng ùa-ạt đổ xô làm « nghề buôn » ấy : lúc nào cũng « đạo-mạo » nói ra những lời hô-hào cổ-động, những giọng hăng-hái nhiệt-thành. Nhưng, « cạn ao, bèo đến đất », những thứ văn tự mạng là « đầy tâm-huyết » ấy chỉ là một lối đầu cơ kiếm lời.

Từ năm 1933 trở đi, có một tờ báo khôi-hài ra đời, được công-chúng hoan-nghênh. Thế rồi nhiều báo theo sau, tranh « hít bã mía » gây thành cái phong-trào « son trẻ » đầu độc đến tận xương-tủy nam nữ thanh niên

Hoàng Tích-Chu xướng lên lối văn cộc lốc, tuy đi cực-đoan nhưng không phải không có ảnh hưởng đến làng báo ta. Nhiều bạn đồng-nghiệp từ đó đua theo chắc được những tiếng phê-bình rất mai-mỉa : « Đồ-đệ của lối văn nhăm-nhằng cắn gióng một ! »

Thiếu óc tự lập, người ta cam tâm làm đàn cừu của chàng Panurge ! Vì thế tiếng khen lời chê của họ thường không được người đời đếm xỉa đến. Thấy người ta khen, họ cũng nhắm mắt khen mò ! Thấy người ta chê, họ cũng ùa-ạt chê liều chê lĩnh ! Thực ra họ chẳng có kiến thức và thủ đoạn gì cả !

Một người có tư-tưởng độc-lập bao giờ cũng có hoài bão riêng, chủ-trương riêng, mong gây thành một tông-phái đặc-biệt, không giẫm lên vết chân của người khác đã đi.

Văn ta nhiều sáo, nước ta không có học-thuyết, không có thi tông, không có tư-tưởng sáng chế, chính vì phần đông quá giàu cái tính nô-lệ...

7. Không biết phục thiện không trung-thực với

Xem tiếp trang 21

ĐÔNG-TÂY THƯ QUÁN
195, phố hàng Bông Hanoi

Đã có bán

Mẹo chữ Hán

một cuốn sách mà ai ai dù đương học chữ Hán hay đã biết thông chữ Hán cũng đều phải xem

Giá 0$85 cước 0$06

Gửi bằng tem (cò) cũng được. Không gửi lối lĩnh hóa giao ngân

Tri-Tân đọc thơ

« HƯƠNG CỐ NHÂN »

của Nguyễn Bính

PHẠM MẠNH-PHAN viết

ÍT LÂU nay trong làng « thơ mới » của nước ta đã sản xuất ra được một số thi-sĩ khá đông.

Ngoài những tên đã từng quen biết như Thế-Lữ, Trọng-Lư, Huy-Thông, Huy-Cận vân vân, một số những người khác chỉ vào bạng « thợ thơ » (versificateur) nhưng cũng lăm-le ôm mộng lớn muốn người ta liệt tên mình vào hạng « thi bá » !

Làm được vài bài thơ, xuất-bản được đôi ba tập thơ trong đó chỉ tuyền những câu gò-gẫm, những vần ép-uổng một cách ngượng nghịu, đâu đã đáng lĩnh chức thi nhân mà người đời trao tặng.

Hôm nay tôi giới-thiệu với bạn đọc, ông Nguyễn Bính, tác-giả tập thơ *« Hương cố nhân »*, rồi các bạn sẽ định giá-trị thơ ông.

Ông Nguyễn Bính không phải là một tên dân mới trong làng ngâm-vịnh. Vì tập thơ này không phải là tập thơ đầu. Nó ra sau hai cuốn *« Lỡ bước sang ngang »* và *« Tâm hồn tôi »*.

∴

Những câu thơ đẹp

Thoạt mới giở tập thơ ta thấy ngay hai câu thơ in riêng một trang, nhường như tác-giả có ý nêu lên làm đích cho những trang sau :

« Xây bao nhiêu mộng thế mà
Đến nay phải gọi người là cố-nhân ! »

Chưa cần đọc toàn tập, ta cũng đoán thi sĩ Nguyễn Bính sẽ nói những gì ?

Phải chăng thi-sĩ trong tuổi diệu linh đã từng phen gặp gỡ một giai nhân, một giai nhân mà một khóe mắt cũng đủ nghiêng lệch một tâm-hồn, một cái cười nụ cũng đủ làm đổ vỡ một cái gì ấy ?

Thi-sĩ đã từng sống trong những giờ khắc mê-ly, tâm-hồn đã từng dào-dạt vì yêu, vì nhớ. Và, trong mộng đẹp, ái-ân đã từng xây-dựng những lâu-đài đồ-sộ nguy-nga.

Thế mà đến nay người yêu đã nỡ hững-hờ để cho ai luống ngậm-ngùi, phải cùng nàng Thơ than-thở ! Và thôi, từ đây biết bao mộng đẹp đành phải để chúng lắng trong mơ mà trái tim mang vết âu nhờ ngày tháng gần hàn !

Đọc *« Hương cố nhân »*, ta thấy thi-sĩ Nguyễn-Bính là người đa cảm, mảnh hồn trong-trẻo của tuổi anh-niên đã sớm thả theo luồng gió ái ân mà nên câu tuyệt diệu :

« Con tằm là lụy ba sinh
« Mà em là lụy của anh muôn đời ».

Thi-sĩ là người thế nào mà đã trót vì yêu đương mang « lụy » vào mình ? Ta hãy nghe mấy lời thành-thật và thấm-thía của thi-sĩ đã nói về gia-cảnh mình :

« Thầy tôi dạy học chữ nho,
« Dạy dăm ba đứa học trò loanh quanh.
« Có gì tiếng cả nhà thanh :
« Cơm ăn đủ bữa áo lành đủ thay,
« Còn tôi sống sót là may,
« Mẹ hiền mất sớm, giời đầy làm thơ »
(Nhầm)

Thì ra thi-sĩ đã vắng tiếng mẹ những ngày còn trứng nước và đã không được ấp ủ yêu đương trong khi chung sống với một em :

« Em tôi là gái mười lăm,
« Quét sân, chạy chợ, chăn tằm sớm trưa »

và với một chị gái đã từng « lỡ bước sang ngang » :

« Chị tôi sông nước con thuyền
« Oan không phải chuyến cho duyên trái mùa »
. . . . . .
« Chị tôi dài những mùa đông...
« Se tơ nước mắt, dệt khung cửi sầu !
(Tình tôi)

Biết cảnh nhà thanh-bạch, nên thi-sĩ đã phải ngượng với người yêu nếu mộng đẹp cùng ai xây tổ uyên-ương thành sự thực :

« Nàng mà làm dâu nhà tôi
« Vườn giâu nó thẹn với đôi tay ngà »
(Nhầm)

Người yêu chẳng phải ai đâu xa lạ, chính là người bạn học của thi-sĩ, những ngày thơ ấu :

« Học trò trường Huyện ngày năm ấy,
« Anh tuổi bằng em, lớp tuổi thơ.
« Những buổi học về không có nón,
« Đội đầu chung một lá xen tơ !

Thật là một cảnh nên thơ của đôi trẻ mà trong tình bè bạn ngây-thơ nhường như thấy chớm nở một tình yêu đằm-thắm, vì :

« Lá xen vương phấn hương xen ngát
« Ấp-ủ hai ta, chút nhụy hờ.
« Lũ bướm tưởng hoa gài mái tóc
« Theo về tận cổng mới tan mơ ».
(Bướm bướm ngày xưa)

Cái mộng đẹp ấy, người trong cuộc tưởng rồi sau cũng cùng ai trăm năm trọn kiếp, vui hưởng thú ái ân ; vì đã cùng nhau như nàng Kiều với chàng Kim nặng lời thề thốt :

Xem tiếp trang 17

GIÁ-TRỊ MỘT BẢN DỊCH

KIỀU THANH-QUẾ

GÉRARD DE NERVAL mới hai mươi tuổi diễn Pháp văn xong vở kịch *Faust* của Gœthe, thi-hào Đức, viết hồi năm thi-hào băm ba tuổi xuân.

Nhiều năm sau khi Gœthe qua đời, Nerval tiếp được của một người không quen biết ở nước Đức gửi sang cho chàng một bức thơ của Gœthe viết khen tặng chàng. Bức thơ ấy, người nặc danh kia rút trong quyển *Những cuộc hội-kiến với Gœthe trong các năm sau-cùng của đời ông*, do Jean Pierre Eckermann biên-tập bằng tiếng Đức, xuất bản vào năm 1838.

Bức thơ ấy của Gœthe đề ngày chủ nhật 3 Janvier 1830. Người bạn không quen biết lại có nhã ý diễn nó ra Pháp văn, khi gửi cho Nerval.

Ở bài tựa kỳ xuất bản lần thứ tư bản dịch vở kịch *Faust*, Nerval có chép bản Pháp-văn bức thơ ấy của người bạn ẩn-danh ; trong đó, ta đọc được mấy lời khen tặng Nerval này của Gœthe :

« Tôi không còn thích đọc kịch *Faust* bằng tiếng Đức nữa ; mà, trong bản Pháp văn ấy, tất cả đều hoạt-động lại với vẻ tươi sáng và nhanh - nhẹn . . . Kịch *Faust* dầu sao cũng là một cái gì hoàn-toàn vô-lượng vô-biên, và tất cả xu hướng làm cho nó thích hợp bằng lý-trí (thông-minh) đều vô - ích. Người ta tưởng cũng không nên quên rằng đoạn thứ nhứt của bài thơ đã thoát ra khỏi một trạng - thái hoàn-toàn đen-tối (lộn-xộn) của cá-nhân ; nhưng lại chính sự đen-tối ấy nó đánh thức lòng hiếu kỳ của người ta, và chính vì thế mà người ta quan-thiết đến nó như bao nhiêu vấn-đề khó giải - quyết » (« Je n'aime plus lire le *Faust* en allemand ; mais, dans cette traduction française, tout agit de nouveau avec fraîcheur et vivacité .. Le *Faust*, pourtant, est quelque chose de tout à fait incommensurable et toutes les tentati es de l'approprier à la raison (l'intelligence) sont vaines. L'on ne doit pas oublier non plus que la première partie du poème est sortie d'un état tout à fait obscur (confus) de l'individu ; mais c'est précisément cette obscurité qui éveille la curiosité des hommes, et c'est ainsi qu'ils s'en préoccupent comme de tout problème insoluble »).

Một bản dịch được tác-giả thành thật và hết lời khen tặng như bản Pháp-văn kịch *Faust*, thật là một sự hãn hữu !

Vinh-hạnh thay cho Gérard de Nerval, nhà dịch sách trẻ tuổi tài-hoa của nước Pháp !

Trông người, lại soi đến ta : nào xứ ta từ xưa đến nay đã có nhà dịch sách nào được cái hân-hạnh của Gérard de Nerval ?

Buồn thay cho câu trả lời, trước sự thật : — Thưa chưa hề có !

Thật vậy, chưa hề có một bản quốc-văn nào được tác-giả khen tặng. Vì hiếm hoi thay những ông văn sĩ Âu-tây biết đọc văn quốc-ngữ ta để có thể phê-phán, như Gœthe phê-phán Nerval. Còn những tác giả của các bộ sách Hán-văn được diễn quốc âm thì lại chết tự tám mươi đời vương (!), còn đâu mà hòng phê với phán ?

Thế nên, dịch-giả xứ ta cũng đừng nên buồn vì chẳng bao giờ được cái hân-hạnh của Gérard de Nerval.

Và giá-trị của một bản dịch ở xứ ta, thưa bạn đọc, cũng chẳng phải là không có.

Hồi *Nam Phong tạp-chí* còn, ông Phạm Quỳnh có dịch nhiều truyện ngắn giá-trị của Pháp đem đăng tải. Lối dịch của Phạm tiên-sinh rất lưu-loát : dùng những danh-từ an-nam trăm phần trăm để dịch những đoạn văn tả cảnh của người Pháp, khiến độc-giả cứ tưởng đó là một câu « văn Phạm Quỳnh », chớ chẳng phải một câu văn dịch. Ví thử đọc những câu này của Phạm tiên-sinh : « Cảnh sông con thì thanh-thú thật, nhưng là cái cảnh lưu thủy hành vân, đi luôn chảy luôn, không cầm lại được », thì ai còn tưởng là văn dịch được ? Văn dịch của ông Phạm Quỳnh càng khó nhận ra ở đoạn sau này vì dịch-giả dùng lối ăn nói của một tên bợm An-nam để dịch ngôn ngữ của một tên bợm Pháp ! « Bạn tôi là bác Cồ-Đô, chúng tôi thường gọi đùa là anh *Cồ béo*, vì bác ta to lớn phục phịch, nói to như người tức giận !

« — À ! phải, tuổi thiếu niên dại thật là dại vô ngần ! Thật các anh ạ ! ngày nay có lúc hồi tưởng đến thuở trước mà tôi đỏ mặt lên, tức mình, giận mình làm sao mà khờ dại đến nước ấy, làm sao mà si ngốc đến bậc ấy, làm sao mà ngờ nghệch một cách thảm hại đến thế ! Chà !

chà ! bây giờ mà lại phải thế nữa... » (trích truyện : *Ôi ! thiếu niên*).

Người diễn quốc âm bộ trường thiên tiểu thuyết *Những kẻ khốn nạn* của Victor Hugo, ông Nguyễn văn-Vĩnh, cũng có lắm đoạn văn dịch thần-tình. Đoạn dịch về cát sụt (l'enlisement) trong *Những kẻ khốn-nạn* của Nguyễn tiên-sinh đã có lần khiến chúng tôi đọc mà hồi-hộp và cảm-động chẳng kém như mọi khi chúng tôi thưởng-thức nguyên-tác của Victor Hugo :

« Những vùng bờ biển xứ Bretagne, xứ Ecosse, khách bộ-hành và người đi đánh cá, thừa khi nước triều cạn mà đi ngoài bãi biển, ra xa bờ quá thì, bỗng hay gặp những nơi khó bước. Bãi cát dưới chân hình như lầy-nhầy, để giầy dính xuống, không phải là cát nữa, là nhựa. Bãi cát thì thật khô, nhưng mỗi bước chân hồ nhấc để giầy lên lại thấy dấu giày hóa ra vũng nước....

« Người cứ việc đi, cứ thẳng trước mặt mà đi lẳng dần vào trong bờ. Không lo sợ gì cả. Vả sợ gì ? Duy nghe chân bước thấy mỗi ngày một nặng Rồi thình-lình thụt. Thụt xuống chừng hai ba tấc. Quyết là đi lạc mất đường tốt rồi. Đứng lại để tìm phương - hướng. Bỗng nhìn cuống chân thì thấy chân đã thụt xâu rồi. Cát trùm kín rồi. Rút chân lên muốn đi lộn trở lại, quay lưng trở về thì lại thấy thụt sâu nữa. Cát lên đến mắt cá, cố rút chân lên mà bước sang tay trái, thấy cát lại lên đến nửa ống chân ; lại bước sang tay phải, lại thấy cát lên đến bụng chân. Bấy giờ mới hoảng lên mà nhận ra rằng đã sa chân vào nơi cát trụt, thất đảm lên mà nhận ra rằng đã lạc vào một chốn mà người không thể đi, cả không thể lội. Trên mình có mang cái gì cũng ném đi, như một chiếc tau sắp đắm, họa may có nhẹ bớt chút nào, nhưng cũng đã chậm quá mất rồi, cát đã lên khỏi đầu gối.... »

Nghệ-thuật dịch văn của hai ông Nguyễn văn-Vĩnh và Phạm Quỳnh ? Giá-trị cũng có, công-phu cũng có, lưu-loát cũng có, phổ-cập cũng có ; nhưng nếu đem đối-chiếu với nguyên-tác, ta thấy nó thường không qui theo nguyên-tắc phiên-dịch của Âu tây một cách chặt-chẽ : hoặc mạch văn của nguyên-tác đi một đàng thì nó lại đi một ngả ; hoặc có đoạn nó chỉ thoát ý nguyên-tác thôi, chứ chẳng dịch đúng theo nguyên-văn. Chúng tôi xin miễn kể dẫn ra đây. Độc-giả hiếu kỳ một chút sẽ thấy rõ ngay.

Đã đành rằng « bản dịch phải làm nổi sự sống. Hay nói khác, phải sao cho người dịch, vì dầu ông ta có vì đó cần đi xa nguyên tác một chút, khiến kẻ đồng thời cảm thấy được sức mạnh của những tình cảm nó làm sống các nhân-vật quyển truyện hay là nó kích-thích ngay tác-giả quyển truyện khi ông bắt các nhân-vật của ông nói chuyện hay hành động..... Tất cả điều ấy muốn cho ở người dịch *không phải một công việc chuyển vị các tiếng như máy, theo rất nô-lệ mạch văn các câu*, mà quả là một tân công-trình cải-tạo những tình cảm sống hay truyền ra bởi một cổ nhân, một công-trình cải - tạo, trong khuôn-khổ của chính xã-hội của dịch-giả, những tình cảm đã sống trong một xã-hội khác bởi một người khác. Công-trình cải-tạo ấy lẽ tất nhiên dung-nạp một phần lớn sự giải-thích riêng của mình, sự thấu-triệt hoàn - toàn tâm-lý người đọc và tâm-lý tác-giả được dịch. Trong hai tâm-lý ấy, đối với chúng tôi dường như dịch-giả rất nên tìm lấy cái tâm-lý quan-trọng nhất của các độc-giả mình ; chính trên tâm-lý ấy người dịch phải dựa vào để giải-thích, canh-cải các tình-cảm của quá-khứ nó không còn tìm thấy ngày nay những cái tương - tự với nó trên đời (1) » ;

Nhưng « một bản dịch phải đâu là *người thật*, nó chỉ là một *bức chân dung* thôi : một ông thầy tên tuổi có thể họa nên một bức chân dung tuyệt-mỹ : đành rằng như vậy ; nhưng nếu bản chánh được đặt gần bản sao lại, những người xem sẽ thấy nó mỗi người theo cách mình và khác hẳn nhau về phê-phán đối với sự giống. Phiên-dịch, chính là tận tụy với cái nghề bạc-bẽo nhất và không bao giờ được thêm muốn dầu rằng ít nhất ; là đánh giặc với các chữ, đặng khiến trả lại cho các chữ ấy, bằng một thổ-ngữ lạ, một tình cảm, một tư-tưởng biểu-niệm cách khác, một âm thanh mà các chữ ấy không có trong tiếng mẹ đẻ của tác-giả ..

« Xin người ta đừng nghĩ theo đây rằng tôi đã chẳng có đặt một ý-chí nào vào công-việc của tôi : tôi có thể bảo rằng công-việc ấy là tác-phẩm trọn đủ của đời tôi, bởi đã ba mươi năm rồi tôi đọc đi đọc lại và dịch *Milton* (2) Tôi biết trọng công chúng : công chúng muốn đối-đãi với anh không ra làm sao, nhưng lại không có phép cho anh được đối với công-chúng bằng sự tự-do ấy ; nếu anh không buồn nghĩ đến công - chúng, công-chúng càng nghĩ đến anh ít hơn thế nữa...

« *Sự dịch nguyên-văn đối với tôi bao giờ cũng có vẻ hay nhất* ; một bản vừa dịch vừa thuật sẽ

là sự hoàn-mỹ của thể văn dịch, nếu người ta có thể cởi bỏ cho nó cái gì vụng dại mà nó có.

« Trong lối dịch nguyên - văn, sự khó-khăn là không nên dịch một chữ thanh cao bằng chữ tương đối có thể thấp kém, là không nên làm nặng-nề một câu bóng-bẩy, và làm bóng-bẩy một câu nặng-nề, nhờ những quan-thoại giống nhau, nhưng không cùng một âm hưởng trong hai thứ tiếng » (Trích dịch trong « Lời cảnh cáo » của quyển *Essais sur la littérature anglaise* của Chateaubriand : « Une traduction n'est pas la *personne*, elle n'est qu'un *portrait :* un grand maître peut faire un admirable portrait : soit, mais si l'original *était* placé auprès de la copie, les spectateurs le *verroient* chacun à sa manière et *différoient* de jugement sur la ressemblance. Traduire, c'est donc se vouer au métier le plus ingrat et le moins estimé qui fut oncques ; c'est se battre avec des mots, pour leur faire rendre dans un idiome étrange un sentiment, une pensée autrement exprimés, un son qu'ils n'ont pas dans la langue de l'auteur...

« Qu'on ne se figure pas d'après ceci que je n'ai mis aucun soin à mon travail : je *pourrois* dire que ce travail est l'ouvrage entier de ma vie, car il y a trente ans que je lis, relis et traduis Milton. Je sais respecter le public, il veut bien vous traiter sans façon, mais il ne permet pas que vous preniez avec lui la même liberté ; si vous ne vous souciez guère de lui, il se souciera encore moins de vous ..

« La traduction littérale me *paroît* toujours la meilleure : une traduction interlinéaire *seroit* la perfection du genre, si on lui *pouvoit* ôter ce qu'elle a de sauvage.

« Dans la traduction littérale, la difficulté est de ne pas reproduire un mot noble par le mot correspondant qui peut être bas, de ne pas rendre pesante une phrase légère, légère une phrase pesante, en vertu d'expressions qui se ressemblent, mais qui n'ont pas la même prosodie dans les deux idiomes ».

Chúng tôi cùng chủ-trương với văn hào Chateaubriand rằng : Bản dịch nguyên văn bao giờ cũng hay nhứt. Vì nó đã phổ cấp cho đại chúng, lại còn giúp ích hạng thượng-lưu trí-thức bằng cách *giới thiệu những lối hành văn mới mẻ của ngoại quốc trong các nguyên-tác.*

Một bản vừa dịch vừa thuật hay một thiên phỏng tác là công-trình của một kẻ lười biếng, nêu lên vấn-đề phổ-cập cho đại chúng để đậy miệng hạng thượng lưu trí - thức. Bản ấy hay thiên ấy chẳng giúp ích được bao nhiêu cho văn học nước nhà, vì nó có diễn dịch được các lối hành văn tân-kỳ của nguyên-tác ngoại-quốc đâu !

Nhân bàn về giá-trị một bản dịch ở đây, chúng tôi xin mạo-muội tỏ bày một thiển kiến : tại sao dịch sách Âu tây, người dịch xứ ta lại diễn âm cả đến tên nhân vật, tên miền, tên xứ của Âu-châu ? Những tên xứ lớn của Âu-châu đã phổ-thông như : Anh, Pháp, Đức, Ý v.. v.. thì diễn âm đã đành, cớ sao người ta còn diễn âm cả những tên thôn mạc nhỏ trên đất Âu châu làm cho độc giả Việt-nam chẳng còn biết thôn mạc ấy nằm nơi nào trên Âu-châu, ví dầu độc-giả ấy có giỏi khoa địa dư mấy đi nữa cũng vậy ! ... Còn nói đến tên nhân-vật Âu-tây diễn quốc - âm thì chúng tôi không làm sao khỏi buồn cười khi đọc đến tên con mụ *Bi-bơ le-te*, thằng *Trọc tiết* v.. v.. của bản dịch *Những chuyện bí mật thành Ba lê* năm xưa đăng trên mặt báo *Tiểu thuyết thứ bảy*

Chúng tôi rất thích đọc bản dịch. Nhưng hễ gặp những bản dịch có tên nhân vật diễn âm kỳ cục như thế thì chúng tôi không bao giờ đọc hết một trang được.

Còn nhớ có một lần chúng tôi đọc say sưa bản dịch vở kịch *Andromaque* của Racine ví dầu nguyên tác vở kịch ấy hồi còn ở nhà trường chúng tôi đã đọc đi đọc lại trong lớp và trong giờ *« ê tuýt »* không biết mấy lần. Sở dĩ có sự say sưa ấy là, vì dịch-giả Nguyễn Giang còn ông Nguyễn văn Vĩnh đã để y tên nhân vật bằng chữ Pháp chớ không diễn âm lố-lăng.

Trái lại, chúng tôi không bao giờ đọc bản dịch kịch *Giết mẹ* của Vũ Trọng-Phụng, ví dầu chúng tôi rất yêu văn tài Vũ-quân, Vì Vũ-quân đã diễn âm tên nhân-vật của Âu tây. Chúng tôi dầu biết rằng *LỮ-CÁCH BẠO GIA* của Vũ trọng-Phụng dịch giả vốn là *LUCRÈCE BORGIA* của Victor Hugo tác giả, cũng không làm sao đọc hết bản dịch của họ Vũ được,

Buồn thay cho sự gàn dở của chúng tôi ! Nhưng còn biết làm sao bây giờ ? Vả lại, để trả lời cho những ông bảo rằng diễn quốc âm tên nhân-vật Âu-tây là để dễ phổ cập cho đại chúng, thì chúng tôi xin thưa :

— Đại chúng dốt quá, chúng tôi lấy kinh nghiệm mà dám quả quyết, không bao giờ thích đọc bản dịch. Chỉ có hạng đại chúng thiểu học nghĩa là cũng đã biết qua-loa chữ Pháp và hạng thượng lưu trí thức mới thích đọc bản dịch thôi. Đối với hai hạng ấy, tên nhân vật, tên miền, tên xứ của Âu-tây, hẳn không làm bối rối họ đâu, mà các ông dịch giả nước nhà phải nhọc lòng lo cho mệt !

KIỀU THANH-QUẾ

Xem tiếp trang 11

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ...

Số 31

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

CXI

Văn tế vợ của võ - phân - xuất huyện Nam-chân (1)

Than rằng : Bóng quang-âm vi-vút, sự đời thôi để cả khúc ca-bồn ; hồn kim cổ bâng - khuâng, cơ tạo thế trách chi lòng khóc túi. Ca như không mà khóc cũng như không ; lặng thêm tải dẫu nói càng thêm tủi. Sân nhạn thuở sắt cầm lựa ngón, giăng một vừng vằng-vặc mới tròn ; phòng loan khi băng ngọc vầy vui, lan mấy đóa lần lần sớm trội. Vẻ xôn-xao phượng múa loan giòn ; duyên đằm-ấm hoa cười ngọc nói. Nhà thanh-bạch lấy kiệm-cần nầy mực, chăm bề kim - chỉ gác trâm-thoa ; cửa nghiêm-từ đem hiếu kính treo gương, mảng việc tảo - tần khuây đêm gối. Khuê-nghi mấy chút nào sai ; khổn hạnh tơ hào đám lỗi. Đức thông huyên trong hai khóm, lo mưa ngại nắng dạ hằng chăm ; bệ đường - lệ ngoại mười cành, đỡ gió che mưa tình đã vội. Nức Lan-đình hương-nghĩa thơm-tho ; lừng Hoa-tộc khúc hòa đặng-đối. Ân họ Mạnh những ngang mày cử mực, ấm êm đành hương lửa bén duyên ; cửi nàng Tô không vác mặt làm thinh, may-mắn cũng rồng mây kịp hội. Chắp cách hồng dầu muốn trượng xông pha ; theo vô ký vốn một niềm gắng-gỏi. Miền Hoan-khổn thuở theo đòi thư-kiếm, nghìn dặm dẫn một đàn măng sữa, vóc phù dung từng sương nắng dãi dầu ; cửa Tiên-công khi xây đắp đỉnh-chung, mấy thu tròn tìm thú cỏ hoa, chăn thúy-vũ những bèo mây xốc lối.

Cầu thề xa mã khách đông tây ; quán mộng công hầu giời sớm tối. Miền Nam-hải mấy nao binh hỏa, ở ngọc hoa rơi lá rụng, chông gai ngan ngát ngại đi về ; mái Đông-dương một gánh giang sơn, non vàng, nguyệt quạnh, sao thưa, mưa nắng chắp - chờn riêng nhỡ gối. Những ngại-ngùng cỏ đón hoa đưa, từng lân-đận trần bờ gió suối. Phố Bồng-lãng buổi rập-rình sóng ngạc, lắng tin thu vừa yên ngả tiềm-tàng ; dải Hàm-giang khi phảng phất tin hồng, pha tiết gió lại tếch chừng thăm hỏi. Đầu sao chân tuyết, chiếc bóng bơ-vơ, mặt nước da giời, mấy lần len lỏi. Đượm khách những dồn hơi trướng vụ, cửa nặng-nề gần hoa nở châu phun ; quê nhà vừa chực bóng hùng bi, nơi phẳng-lặng bỗng sóng cồn gió thổi. Gan vàng khôn chuyển lúc xôn-xao, gót ngọc khôn dừng cơn vội dỗi. Oan khốc nhỉ, buổi hoài cành chén cá, tấm tờ đoan-chỉ mới rành-rành. Chưa xót thay ; khi rập ngọc vùi hương, giọt nước tầy oan còn hồi-hồi. Ôi ! Động-đình thu diễn, nguyệt lần ngàn sương, lãng uyển xuân tàn, hoa bay đỉnh khói. Trong hai kỷ kết nguyền bạch phát, êm chăn ấm chiếu đã bao lâu ; ngoài ba tuần mơ giấc hoàng-lương, dứt tóc lìa tơ sao nỡ vội ? Bóng bạch-câu bay vụt cửa phù-sinh, hình thương-cầu đúc mòn khuôn đại-khối. Cơn nhất đán phi thường, còn mượn góc giường đông dàn nệm cỏ, xót nhỉ phận nửa con khi ấy, trước mặt ngừng chồi liễu ở, vốn đinh-ninh từ kẽ tóc chân tơ ; lúc thiên - thu vĩnh-biệt, những trông chừng ải bắc nhắn tin hồng, thương thay lòng một mẹ bấy giờ, trên tay nâng vóc hoa tàn, càng đau-đớn đến buồng gan lá phổi.

Ai làm nên mưa gió giữa đường, để đến đoạn uyên-ương lạc lối ? Lay chức lữ thốt trao phong vĩnh-quyết, doành khuya lấp-lỗ thỏ đưa xuôi ; bởi nền hoang vừa đặt gối thâm tình, ải sớm rụng-rời gà gáy đổi. Gươm ái ân sang sảng có người mài, lửa li-biệt bừng-bừng không lúc thôi. Gánh nặng những theo dài, dầu mỏi gối chồn chân mà bỏ lại, sao chẳng rốn ít nhiều năm nữa, khi bì còn có khi thái, với thấy vinh hoa cho bõ lúc phong-trần ; chữ đồng còn tạc đề, dầu trên oan ngậm tủi phải nên lìa, sao chẳng trao mấy chút nhời chi kiếp này đã vậy kiếp sau, chẳng may gặp gỡ lại đính nguyền sông núi. Chức sung thoán trước để tin ngờ, duyên ngọc tiền xưa truyền thực dối. Đã biết cùng thông là mệnh cả, song gia-đạo được em về vun quén. anh thôi dứt đường xanh thì lên cửa tía, trong danh phận thấy một ngày một mới, cũng vì em mà gấm lại hoa thêm ; đã hay tu đoản chẳng giời ra ! nhưng mệnh-đồ tự anh phả bốn ba, em đã pha bãi trắng lại núp ngàn sương, lúc tử sinh còn nửa sợ nửa ngờ, cũng vì anh để mấy lầm nguyệt tối. Chức nhục vinh tưởng lại luống bồi hồi, đoan li hợp dở ra càng bối rối. Cũng thì kết cỏ-phu trong một kiếp, sao biết rằng duyên rằng nợ, nhưng gia truân làm phút hợp phút tan, cũng thời đeo tu-phát ngoại tứ tuần, nào xong là hiếu là trung, vì quốc-bộ những ba chìm ba nổi. Gặp ghềnh thế lộ luống băn khoăn, man-mát gia-tình khôn dở-dói. Bốn ân nặng còn hai chưa báo đáp, vì tuổi-tác da mồi tóc bạc, dễ nấy ai hay việc thuở thần-hôn, sáu tình thâm mới một đã vun giồng, còn thơ ngây bát mán hạt sương, khôn mượn kẻ thay nhời khi huấn hối. Sao nỡ liền yên khóc oanh kêu, sao nỡ phụ thông già huyên cỗi ?

Còn nữa

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ
biên tập

---

1) Quyển *Lệ - ngữ văn-tập* của trường Bác cổ sách số A B 166, tờ 6 b đề bài văn tế là *Nam chân huyện võ phân xuất tế thê văn*. Võ-phân xuất là chức quan của đời Tây sơn 1778-1802. *Đại Nam thực-lục chính biên đệ nhất kỷ* quyển 1, tờ 16 b có chép, « về đời cố Lê các trấn đều đặt phủ, huyện, đến ngụy-Tây tức Tây sơn không đặt phủ, chỉ đặt bên văn chức phân trị, bên võ chức phân xuất, chia nhau cai-trị công việc trong huyện ».

TRA NGHĨA CHỮ NHO

Số 8 Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

VI.— Chữ Đ (bài nối)

Ở trang 90-93 quyển *Tầm nguyên từ-điển* của ông Lê văn-Hòe, chỉ thấy giảng chữ *đông*, *đông-bích* và *đông-sàng*, không thấy nói chi đến *đông-cung*, *đông-quân*, *đông-lân*, Đông-đô, Đông-kinh, Đông-dương, v. v. Đông-đô là tên thành Thăng-long về đời nhà Hồ. Đông-kinh tức là Đông-đô, người Tàu đọc là Tong-king, người Tây viết là Tonkin. Sử chép tháng tư năm Quang-thái thứ mười 1397 đời vua Trần Thuận-Tôn 1388-1398 cho phó-tướng Lê Xương lĩnh chức Đông-đô lộ đô-hộ phủ : có chữ Đông-đô bắt đầu từ bấy giờ. Thanh-hóa làm Tây-đô, Thăng-long làm Đông-đô. *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục*, quyển 11, tờ 28 b. 29 a.

Về chữ *đông*, nên dẫn câu *Tả truyện* : « Chức-chi-Vũ thấy Tần-bá nói rằng : « Nếu bỏ Trịnh làm đông-đạo-chủ, hành-lý đi lại, cung sự thiếu-thốn, ngươi cũng không hại gì ». *Từ-nguyên* chua rằng : « Trịnh ở phía đông Tần, cho nên Vũ nói thế. Người sau nhân đấy gọi đông là chủ, gọi tây là khách ; như trong đám yến hội khách gọi chủ nhân là đông-đạo ; đầy-tớ gọi chủ nhà là đông-gia ; người thuê nhà gọi chủ nhà là phòng-đông ; chủ-nhân mời thầy đến ở gọi là tây-tân, cũng có khi gọi là tây-tịch.

Dưới chữ *đông-bích* ông Lê văn-Hòe nói « sao Đông-Bích chủ việc đồ-thư, tức là việc vẽ tranh và việc văn-chương trong thiên-hạ ». Có lẽ sai : *đồ-thư* là địa-đồ và thư-tịch. *Từ-nguyên* dẫn một câu trong *Hậu Hán thư* như sau này : « Bái-công đến đất Hàm-dương ; Tiêu-Hà một mình vào trước, thu những luật-lệnh, đồ-thư ở dinh thừa-tướng ngự-sử nhà Tần ». Đồ-thư còn nghĩa là ấn riêng tư-ấn. Sách *Ấn-văn khảo-lược* chép rằng : « Người đời xưa đều đóng ấn ở những tranh vẽ sách vở đồ họa hư-tịch để làm dấu, gọi là đồ-thư ấn » ; cho nên ngày nay ấn của quan vẫn gọi là ấn, mà ấn riêng gọi là đồ-thư chép theo *Từ-nguyên*.

Ở trang 91, dưới chữ *điền-phần*, nên chua chữ *phần* nghĩa thứ nhất là mô đắp cao : kinh *Lễ* có câu : « Cổ-giả mộ nhi bất phần », người đời xưa có mộ chôn, chưa đắp nấm mà không có phần đất đã đắp cao. Nghĩa thứ hai là bến sông : kinh *Thi* có câu : « Tuân bỉ Nhữ phần » Theo bến nước sông Nhữ kia Nghĩa thứ ba là đạo lớn : sách của Phục-hi, Thần-nông, Hoàng-đế gọi là Tam phần. Nghĩa thứ tư là đất béo tốt thổ cao phì giã : kinh *Thư* có câu : « Quyết thổ hắc phần » Chỗ đất ấy đen tốt, v. v. chép theo *Từ-nguyên*.

Còn *điền* là : 1, kinh sách, phép thường ; — 2, sự-tích, lệ luật cũ như chữ điển cố ; — 3, giữ, coi điền-bạ, điền-tịch ; — 4, gửi làm tin để vay tiền điền-cố, chỗ này nghĩa là cầm đợ. Ngũ điển là cha nghĩa, mẹ hiền, anh thuận, em kính và con hiếu : kinh *Thư* có câu : « Thận hưu ngũ điển », kính cẩn rõ rệt năm pháp thường. Ngũ điển còn là tên sách của Thiếu-Hiệu, Xuyên-Húc, Cao-Tân, Đường, Ngu sách Đường Ngu là kinh *Thư*.

Ở trang 92, dưới chữ *đông-sàng* là con rể, nên dẫn câu *Nhi độ mai* : «Tấc lòng e chửa xứng ngôi đông sàng» và sách *Tấn-thư* như sau này : «Quan thái-úy tên là Hi-Giám sai người đến cầu rể ở nhà Vương-Đạo. Đạo bảo tới gian phía đông xem tất cả các học trò Người ấy về bảo Giám rằng : «Các thiếu-niên của họ Vương đều đẹp ; nhưng nghe tin đến, đều tự giữ gìn hàm-tự căng trì, duy một người ở giường phía đông phơi bụng ngồi một mình ăn như không nghe biết chuyện gì » Giám nói : «Chính người ấy là rể khá đấy» giai-tế. Hỏi ra mới biết là Hi-Chi, rồi đem con gái gả cho.» Vì thế tục gọi rể là đông-sàng, cũng gọi là đông-thản do chữ thản phúc nghĩa là phanh bụng ở phía đông. Gọi rể người ta là lệnh-thản chép theo *Từ-nguyên*.

Ở trang 94, dưới chữ *đồng hồ*, nên chép cả chữ *lậu-hồ* và *khắc-lậu* ; ba chữ cũng là tên một thứ đồ xem giờ của đời xưa. *Cung-oán* có câu : «Mắt chưa nhắp, đồng-hồ đã cạn». Đồng-hồ với lậu-hồ khác nhau thế nào ? *Từ-nguyên* chép : «cách chế không nhất định» kỳ chế bất nhất ; duy khắc-lậu tức là cái đồng hồ nước chữ Pháp gọi là *chepsydre* thì cắt nghĩa như sau này : «Lậu là cái hồ bằng đồng đựng nước ; vì chảy từng giọt nên gọi là lậu. Khắc là một thứ mũi tên khắc từng độ, từng số, cắm trong cái hồ ấy. Dưới đáy đồng hồ, đục lỗ hổng. Nước trong đồng-hồ nhân lỗ hổng ấy chảy xuống ; xem độ số, có thể biết giờ».

Ở trang 94, dưới chữ *đồng-minh* là cùng thề ước với nhau nên chép cả chữ *minh-thệ* là ăn thề, *hội-minh* là họp để thề *tuyên-thệ* là đọc lời thề. Về lệ minh-thề ở nước ta, sách *Đại-Việt sử-ký toàn-thư* quyển 2, tờ 15 a chép rằng : «Tháng ba năm Thiên-thành thứ nhất 1028 đời vua Lý Thái-tôn 1028, 1054 ba vương làm phản. Ngày hôm trước vua Lý Thái tôn mộng thấy một vị thần tự xưng là thần núi Đồng cổ bảo vua rằng : «Vũ đức vương, Đông-trình vương và Dực thánh vương làm loạn mau cất quân điều binh để đánh». Kịp khi vua tỉnh dậy, sai phòng-bị nghiêm-ngặt, quả nhiên nghiệm . . . Rồi ban chiếu quan hữu-ty dựng miếu ở bên hữu thành Đại-la, sau chùa Thánh thọ. Ngày 25 tháng ba năm 1028, ở trong miếu đắp đàn, giương cờ xí chỉnh đội ngũ, treo gươm giáo ở trước bài vị thần, đọc lời thề. Lời thề rằng : «Làm con bất hiếu, làm tôi bất trung thần minh giết đó ! » Vì tử bất hiếu, vì thần bất trung, thần minh cực chí ! Các quan từ cửa đông đi vào qua bài vị thần uống máu. Mỗi năm một lần, lấy làm lệ thường. Sau vì tháng ba có quốc kỵ tức là kỵ vua Lý Thái-tổ 1009-1028 nên hoãn đến mồng bốn tháng tư. *Đại Việt sử-ký toàn-thư* quyển 5, tờ 4 a chép năm thứ ba hiệu Kiến-trung 1227 vua Trần Thái-tôn 1225-1258 định nghi-lễ như thế này : «Mỗi năm, cứ mồng bốn tháng tư, quan tể-tướng và trăm quan, lúc gà gáy buổi sáng sớm, đến ngoài cửa thành, mở sáng tiến triều, vua ngự cửa hành-cung bên hữu điện

Đại minh ; trăm quan nhung - phục lạy hai lạy rồi lui ; đều đủ các đồ khí - giới đội-trượng, người và ngựa sô-tụng từ cửa tây ra ngoài thành, đều đến thờ thần núi Đồng - cổ, họp thề, uống máu. Quan trung-thư kiểm-chính tuyên thệ đọc lời thề rằng: «Làm tôi hết lòng trung, ở chức quan phải thanh-bạch, nếu phụ lời thế này, thần-minh giết đó !» Vì thần tận trung, cư quan thanh-bạch, hữu du thử minh, thần-minh cức chi ! Đọc xong, quan tể-tướng đóng cửa lại, điểm xem trăm quan, ai thiếu phạt tiền năm quan-cuỡng. Ngày hôm ấy sĩ nữ bốn phương và người qua đường xem đông như thành tường, cho là thịnh-sự. »

Các quan đối với lời thề ra thế nào ? *Đại-Việt sử toàn thư* quyển 8, tờ 31b-33b chép một việc như sau này ; « Mùa xuân, ngày rằm tháng ba năm mậu-dần 1398, Lê Quí-Ly sau đổi là Hồ Quí-Ly bức vua Trần Thuận-Tôn 1388-1398 phải truyền ngôi cho hoàng-thái - tử tức là Trần Thiếu-đế, 1398-1400. Qúi - Ly có lòng thoán-thí, nhưng đã chót thề với Trần Nghệ-tôn 13070-1372, sợ trái lời nói, ngầm khiến đạo - sĩ là Nguyễn-Khánh ra vào trong cung, bảo vua truyền ngôi... Mùa hạ, tháng tư năm kỷ-mão 1319, Quí-Ly sai người giết vua Thuận-tôn... Thái - bảo Trần nguyên-Hãn, thượng-tướng Trần-khát-Chân mưu lấy ngày hội-minh mồng bốn tháng tư, giết Quí-Ly. Hôm ấy Quí-Ly họp thề ở Đốn-sơn, Lũ Khát-Chân đã để ý muốn giết... Vì lộ chuyện, Quí-Ly biết, sai bại thân-tích Khat-Chân có hàng trăm... Nhà bỏ không, cấm không ai được nghỉ chân, vì thế sai các xã phải đặt tuần cảnh ngày đêm canh giữ. Lễ minh - thệ từ đây không làm nữa »

Nhưng *Lịch-triều hiến-chương* sách viết của Bạc-cổ, số A 50, *Lễ-nghi chí*, Minh-thệ lễ. trang 197 chép « năm thứ nhất hiệu Thiệu-bình 1344 đời Lê Thái-tôn 1433-1442, mùa xuân, tháng giêng, sau ngày rằm, vua ra hiệu - trường thi nghề xem lũ đại - thần Lê - Sát và trăm quan văn võ tế cáo giời đất thần kỳ, danh sơn đại - xuyên, giết ngựa trắng, uống máu ăn thề. Từ hồi trung hưng về sau năm 1460 chuẩn định hằng năm một kỳ họp minh thệ. Hình-phiên chiếu theo sự-lệ, chuyển đưa các nha - môn, theo phép lập đàn ở giữa bãi cát để hội thề, Các quan uống máu ăn thề, còn các xứ ngoại trấn và sấu phiên, đều chiếu theo nơi sở thuộc làm lễ, nhưng sai các viên thuộc lại, tới chỗ giữa bãi cát để thề. »

Lễ minh thệ ngày xưa đại-để như thế: ông Lê văn-Hòe chép thiếu.

Ở trang 100, dưới chữ *đột ngột*, có câu dùng theo nghĩa bóng, *đột ngột* là bất thình lình, xuất kỳ vô ý. » nên chữa: *đột ngột* là thình lình xuất kỳ bất ý ; hoặc giả gọi là bất thần, chứ bất thình-lình thì sai, nhiều người cũng nhầm như thế.

Cũng ở trang 100, nên cắt nghĩa chữ *đường-hoàng* theo quyển *Từ-nguyên* như sau này : một là nơi xử việc của quan lại, nhà không có tường vách : *Đường thư* có câu : « Cảnh tựu Thám-phóng-xứ đường-hoàng thính sự » (Lại tới chỗ đường-hoàng của quan Thám-phóng xứ nghe việc). Một nghĩa nữa là cung điện: đời Tấn ở Lạc dương có đường hoàng Lễ toàn đường hoàng Ngu-lương, v. v. câu này chép ở sách *Lạc - dương cung điện bạ*. Nghĩa thứ ba là khí-thế rộng-lớn : bài Phú Trương-Lỗi có câu : «Đường- hoàng nhị nghi » Lồng - lộng giời đất. Tiếng Nam ta thường dùng chữ đường-hoàng vào nghĩa ngay thẳng rõ-rệt.

Còn nữa

Ứng-hoè NGUYỄN VĂN-TỐ

Giá trị một bản dịch

Tiếp theo trang 8

1. Nguyễn Giang : Il faut que la traduction rende la vie. Autrement dit, il faut que le traducteur, quand même devrait-il pour cela s'écarter un peu loin du texte original, fasse sentir à ses contemporains la vigueur des sentiments qui animaient les personnages du roman ou plutôt qui animaient l'auteur lui-même du roman quand il faisait parler ou agir ses personnages.... Tout cela suppose chez le traducteur non pas un travail de transposition mécanique des mots, d'imitation servile des tournures de phrases, mais bien un travail de reconstruction moderne des sentiments vécus ou relatés par un ancien, de reconstruction dans le cadre de sa propre société des sentiments qui ont été vécus dans une autre par un autre homme. Cette reconstruction comporte naturellement une grande part d'interprétation personnelle, la parfaite compréhension de la psychologie des lecteurs et de celle de l'auteur traduit De ces deux psychologies, il vous semble bien que le traducteur doit trouver celle de ses lecteurs la plus importante ; c'est sur elle qu'il doit se baser pour interpréter, modifier des sentiments du passé qui ne trouvent plus aujourd'hui leurs équivalents dans la vie » Đông dương tạp chí số 30, ra ngày 4 Décembre, nơi phần Pháp văn.

2. MILTON, thi sĩ nước Anh, tác giả bộ *Thất lạc viên Paradis perdu* mà Chateaubriand dịch ra Pháp văn

K.T.Q

Tri - Tân sẽ lên giá kể từ 1er Aout 1942

Vì giấy in báo càng ngày càng đắt, và tổng-phí về việc làm báo mỗi ngày một tốn hơn, nên các báo ở Nam đều phải tăng giá, mà các bạn hằng ngày ở Bắc đây cũng đều ra có hai trang.

Đứng trước tình - thế khó - khăn này, bản - chí cũng không thể cứ làm một việc hi-sinh vượt quá sức mình mãi, nên cần phải trông mong ở sức cộng-tác của các bạn đọc.

Không muốn làm việc rút trang, tất phải nhích giá thêm lên đôi chút cho khỏi lỗ. Vậy bắt đầu từ kể từ 1er Aout 1942 đây, giá báo sẽ tăng và tính như sau :

Một năm	6 tháng	3 tháng
8p.50	4p.50	2p.35

Bán lẻ mỗi số 0p.20.

Ngoại quốc và các công-sở tăng gấp đôi.

Tuy vậy, đối với các bạn nam nữ học sinh, bản-chí cũng sẵn lòng tính bớt 20o/o.

Còn các bạn đọc ai mua và giả tiền trước ngày 1er Aout 1942 cũng vẫn theo giá cũ nghĩa là :

Một năm	6 tháng	3 tháng
6p.80	3p.50	1p.80

Một khi các bạn đã có lòng yêu mà đứng bên ủng - hộ, chắc cũng không ký-quản gì về sự thêm lên mấy xu ấy.

Vậy mong các bạn đọc vui lòng thể - tất cho.

Đa tạ trước.

TRI-TÂN

Lữ-ký

BAN-MÊ-THUỘT

Số 2

của Biệt-Lam TRẦN HUY-BÁ

SÁNG hôm sau, vào tòa Sứ trình giấy đi đường; mới hay tin giáo-sư N. mới bị sốt rét rừng, đương nằm dưỡng bệnh ở Bungalow. Tôi lại giật mình nghĩ đến đêm qua tuy đã chăn màn cẩn thận, thế mà cũng được mấy chú muỗi kếch sù vo ve lẻn vào thăm người khách lạ.

Ở tòa Sứ ra, vội hỏi thăm đến Bungalow gặp mặt giáo sư. Hai bên vui vẻ chuyện - trò hồi lâu. Giáo-sư nói cho tôi biết công việc sẽ bắt đầu làm ở mấy làng Mọi gần đấy. Rồi giáo-sư bảo tôi ra phố mua ít quinine; lại dặn dò phải ngăn ngừa muỗi độc và nước uống phải đun thực sôi . . . .

Hôm đó nhằm ngày chủ-nhật nên tôi cáo-từ giáo-sư, để dạo qua thăm phố.

Ban-mê-thuột là lỵ-sở của tỉnh Darlac. Tỉnh này lập ra từ năm 1899. Trước lỵ sở lập ở Bandon. Vì giáp-giới xứ Cao-mên, không được tiện lợi về mọi phương diện, nên sau đó mấy năm, tỉnh-lỵ được thiên vào khu người Rhadé-Kpa. Dân số độ 2000 người. Cách Bandon 42 cây số, Ban-mê-thuột ở trên một khu rừng đất đỏ, cao hơn mặt bể trên dưới 600 thước tây; ở về tả ngạn sông Ea-Tam.

Hồi năm 1905 mới vẻn-vẹn có hai dãy phố dọc và 3 dãy phố ngang. Tới năm 1914, mở mang hết sức phố-sá mới thêm rộng rãi. Trên một khu rừng 200 mẫu tây, chia làm 7 khu cả thể: khu công sở, khu phố chợ, khu phố tây, khu phố nam, khu người Rhadé, khu trại lính và khu thí-nghiệm canh-nông cùng chăn nuôi.

Khi ở Bungalow đi ra, tôi nhận thấy trước tiên là cái máy nước xây ở đầu các ngã đường gặp nhau. Mấy bác Mọi cởi trần, đóng khố, đầu để lộ-thiên ở dưới giời nắng như thiêu, coi bộ thản nhiên đương khệ nệ hai người khiêng một chum nước đầy, vừa lấy ở máy ra. Dù đường hai bên cũng có bóng cây mát, nhưng họ cũng phẳng cần tránh nắng cầu rợp như ai. Mới hay dân Mọi có cái sức chịu nắng hơn ai hết.

Phố xá vắng vẻ, tuyệt nhiên không có một cái xe kéo, cả đến hàng giải - khát cũng không! May cho tôi lúc đi lại mang thermos nước đầy, cứ một quãng đường lại phải dừng chân uống nước. Bồ hôi chầy ra như suối. Thỉnh-thoảng lại bị một cơn gió lốc cuốn tung cát đỏ bay vù, làm cho cồng gạch, nhà sàn, lá cây, ngọn cỏ đều phủ một mầu gạch non. Nhìn đến mình tôi, thì từ đầu đến chân đã hóa thành một người mặc quần áo nhuộm son đỏ ngòm.

Đi hết một vài phố chính, quanh ra phố chợ thấy năm ba hiệu khách: họ cũng bán đủ các thứ. Đến như người nam mình cũng được mươi lăm hàng như hiệu thuốc tây, hiệu chụp ảnh, hiệu may, hiệu cắt tóc và vài hiệu cao lâu, coi vẻ cũng ra chiều phồn-thịnh

Cứ như nhời ông Kế đã nói chuyện cho tôi, thì trước hồi đó, mấy năm, máy đèn, máy nước chưa có, mà phố-sá thì thưa-thớt vắng teo, chỉ lọt-đọt có vài ba hiệu khách với mấy nhà người nam, toàn người có công việc cần thiết phải ở tỉnh này, ngoài ra đều là người Rhadé ở cả. Nếu mình không quen biết ai mà tới tỉnh này, dù túi sẵn tiền, cũng đến phải nhịn đói nhịn khát vì không có lấy một hàng cơm, hay một nhà trọ. Không những thế, người Mọi ở đây lại còn có ý cừu thị với mình, nên ít ai chịu tới đây để buôn bán làm ăn. Cảnh-tượng rất là buồn tẻ. Trái lại mấy năm gần đây nhờ sự mở- mang săn sóc của các nhà cầm quyền, tỉnh lỵ dần dần trở nên sầm uất. Người mình đã chịu đưa nhau tới đây buôn bán: từ con cá đến lá rau ở ngoài Nha-trang có gì, thì ở đây cũng có cả. Thậm chí có người thuê ô-tô mang từng xe gạch ngói vào tận đây để xây dựng cửa nhà. Các đồ vật-liệu nhất nhất đều phải tải từ Nha-trang vào cả, giá đắt gấp ba. Cho nên nhà cửa ở đây phần nhiều phải làm bằng gỗ, chung-quanh dựng ván, trên lợp bằng nứa hay gianh. Dưới đất hãy còn cát đỏ mấp - mô! ta đi giày dép nếu vô ý thì sẽ súc vào đầy cát đỏ. Trừ ra mấy phố chính, vỉa hè đã xây; đường đã rải dựa và đèn điện, máy nước đã có; còn các phố khác thì vẫn sơ-sài, chưa được mấy nhà bằng gạch, nên cũng không lấy gì làm khả-quan lắm!

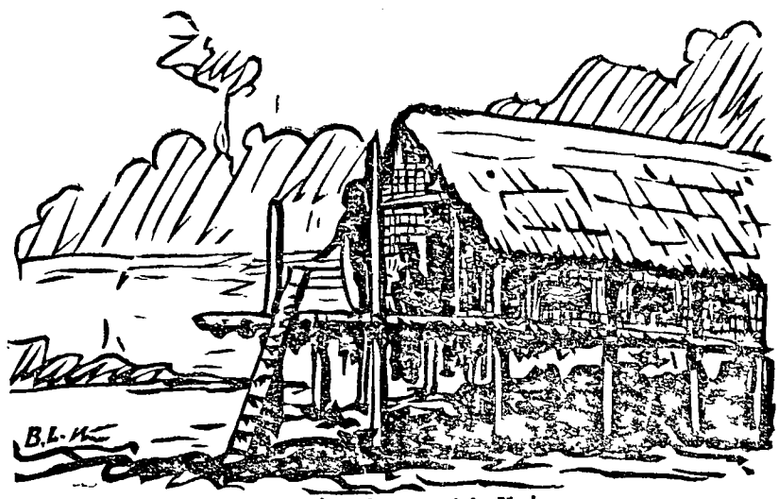

Nhà ở của người Mọi

Đi thăm phố-xá trong mấy giờ, khí nóng như thiêu, bồ hôi nhễ-nhãi, tôi đã thấy mỏi mệt, nên quay về nhà trọ nghỉ. Khi gội đầu, rửa mặt, tôi nhận thấy thau nước đang trong bỗng trở nên đỏ ngầu như nước sông Nhị-hà về mùa nước lớn! Tuy tắm rửa rồi, mà mình mẩy vẫn nóng khó chịu. Nhưng may chiều hôm ấy lại được trận mưa, gió lại thổi đều, nên khí nóng dần dần lui bớt Sau bữa cơm chiều, tôi đi dạo phố đã thấy dễ chịu nhiều; muốn tìm nơi giải trí, nhưng chớp bóng không có, nhà hát cũng không, đành phải trở về ngủ cho lại sức.

Sáng ngày thứ hai, dậy sớm, điểm tâm xong, tôi tới nơi ngụ sở của giáo-sư N. để bắt tay làm việc. Đến nơi, giáo-sư còn nằm trong chăn, tay cầm mảnh giấy, đương viết nguệch-ngoac; miệng thì nói chuyện bằng tiếng mọi với một người Rhadé Người đó trạc độ 30, đầu chải rẽ, mặc áo lây hở ngực, đóng khố xanh, đi giày vải đen. Đó là một viên giáo-học ở trường công tỉnh Ban-mê-thuột Giáo-sư N. giới-thiệu cho tôi biết như thế. Viên giáo ấy giỏi chữ pháp, nên đương giúp việc khảo-cứu cho giáo-sư N.

Giáo-sư nhờ viên ấy dẫn tôi đến xóm ông Y-Say để lấy mẫu mấy kiểu nhà của người Rhadé đương ở. Dọc đường, chúng tôi chuyện - trò rất tương đắc Đi độ hơn cây số thì tới nơi. Trước hết tôi nhận thấy mấy dãy nhà sàn: mỗi cái dài đến hơn 200 thước, bề ngang độ 6, 7 thước. Thoạt vào, đằng đầu nhà có một cái thang, bằng một thân cây gỗ, bề ngang độ 40 phân đục thành từng bực thang lên trên mặt ván; trên đầu thang đục hai cái vủ và mặt giời có tia sáng xung-quanh. Thang dựng gần đứng, từ mặt đất lên sàn cao độ hai thước tây.

Trèo lên trên sàn, thấy toàn thân cây xếp lại, để lộ thiên như một cái sân. Ở góc bên tay phải, thấy để một cái bành tượng tết bằng mây, có mỹ-thuật mà bền-chặt lắm; bên cạnh một đống giây thừng to như cổ tay, để bừa ra đó. Đi qua một cái cửa phên, tới một căn nhà sàn, dài độ 40 thước, rộng 6, 7 thước. Nơi này dùng để cúng lễ, bày tiệc rượu cần để tiếp khách. Ở giữa nhà có một hàng cột chạy suốt dọc nhà; cái nọ cách cái kia chừng 4, 5 thước, cao từ mặt sàn tới nóc, chừng 7, 8 thước. Dưới chân hàng cột ấy, bày một dẫy chum: Cái sành, cái sứ, men đỏ, men xanh, có hoa, lá, rồng, phượng, đắp nổi ngoài chum, coi rất ngoạn mục. Tính ra nhớn nhỏ đến hơn trăm cái chum.

Khi có việc cúng lễ, cưới xin, những chum ấy đều ủ đầy men rượu. Xung-quanh những chum ấy có rất nhiều ghế đầu làm bằng tre kèn mây, như cái thúng úp. Hai bên ngoài hiên nhà đều có cửa sổ bằng phên nứa. Dưới cửa sổ có những tấm ván ngựa dài độ 20 thước, rộng độ 1m00 dày 0m10, một đầu trạm cong như mũi thuyền, đó là tấm ngựa để khách ngồi chơi. Dưới sàn còn rải những chiếc chiếu xanh đỏ cục dài, theo dọc chiều nhà. Khi có khách, họ ngồi quây-quần xung quanh chum rượu; dùng cần trúc tra vào chum mà hút; tục gọi là « uống rượu cần ».

Về bên nách cột, dưới cửa sổ bên tay phải, có treo một cái trống đồng, và hai cái trống da. Khi có cúng lễ, họ khua chiêng trống om thòm liên hồi không rứt tiếng.

Bên cạnh trống đồng, có một cái cột to, họ đẽo dẹp đi, bên trên chạm hai cái vủ cong như sừng trâu, có mặt giời ở giữa; hai bên cạnh chạm như răng cưa. Suốt từ mặt sàn lên tới mái nhà đều chạm trổ rất ngộ-nghĩnh. Đi qua ngăn rộng ấy đến một lối đi ở giữa nhà Còn hai bên đều chia ra những ngăn buồng, mỗi buồng vuông-vắn độ hai thước. Giữa buồng đặt một cái bếp vuông độ một thước Bếp ấy đắp bằng đất, xung-quanh ghép tre, đặt ngay trên mặt sàn, cao độ mười phân; bên trên để ba hòn đá, dùng làm đồ-rau. Bên cạnh bếp ấy cũng rải chiếu xuống sàn dùng làm chỗ ăn ngủ của các tiểu gia - đình về những người trong một bộ lạc. *còn nữa*

Biệt-Lam TRẦN HUY-BÁ

Giăng non

(Lối Nam-đàn bát châu)

Tán - dồng lối thơ « Nam - đàn bát châu » của Tùng-Vân Nguyễn Đôn-Phục tiên-sinh đã đề xướng, bạn Cách-Chi có viết bài nay để tỏ ý hưởng-ứng. Vậy xin đăng ra sau đây để công đồng lãm.—

T. T.

Giờ vừa tối, giăng non đà xế
Nhuốm một màu rầu - rĩ cảnh vườn hoa
Cỏ cây thấp - thoáng lờ - mờ,
Màu tươi, sắc thắm, bây giờ thây đâu!
Tiếng rỉu-rít chim chiều, khi đã lặng
Vẻ âm-thầm quãng vắng, lại càng gia.
Giăng non đà khuất núi xa,
Để đem đằng - đẵng bao - la cõi trần!

CÁCH - CHI

Chung quanh bài thơ « Phỗng đá »

Vài nhời cuối-cùng cùng ông Việt-Thường

Tôi đã được xem bài trường-thiên của ông đăng trong T. T. số 52 vừa ra, những nhời mô - phạm, đều xin bái lĩnh. Cũng muốn giả nhời ông rõ thật thật dài từ A cho đến Z để đáp lại tấm thịnh-tình đó, song điều thứ nhất sợ nhàm tai qúy độc-giả của nhà b.o, còn điều thứ hai thì, leo ôi ; giời nóng này mà ngồi viết dài, dài thế, thì tôi phải đi lên Vân-nam-phủ hoặc sang tận Chamonix, mới mong đủ can đảm viết, chứ ở cái xứ nóng của chúng ta này thì dù có đi đến « Sầm-sơn » chăng nữa cũng chịu thôi !

Thưa ông Việt-Thường, ta nói đủ rồi, vì nói thêm nữa là thừa, chỉ sợ « le raisonnement fait perdre la raison ». Còn hay dở, xin để phần phán đoán cho các quý độc-gia của chúng ta.

Dù ông có nhất định rằng « Cái « thuyết cụ Tam-Nguyên làm bài « thơ ông Phỗng đá về dịp mừng « thọ không thể nào có được thì « tôi cũng xin vâng, vì chính tôi « cũng nghĩ thế, mà ông Tiên-Đàm « cũng nghĩ thế nốt ! »

Chỉ xin phép qúy độc-giả và cả ông Việt-Thường nữa, nhắc qua lại sau này cái cớ mà tôi nhận bài thơ Phỗng đá là của cụ Tam-Nguyên.

Như tôi đã nói, các nhà văn có thể giống nhau ở « tứ » (idée), còn « giọng » (style) thì mỗi người một khác.

Nay chép dưới đây hai bài thơ của cụ Tam-Xuyên :

Một là: bài Vịnh một bức chân dung

Chẳng biết ông chi quá lạ lùng
Ngồi trên hòn đá dưới cây tùng?
Khoanh tay ra vẻ lo đời lắm!
Vếch mỏy như tuồng đắc ý hung!
Làm bộ khôn ngoan tai mắt đủ,
Đến điều phải trái ruột gan không!
Râu mày chịu tiếng trong trời đất,
Sao cứ trơ trơ thế hỡi ông?

Hai là bài không chồng trông bóng lông.

Chị em có cả, một mình không!
Ban mấy, nào ai biết giá chồng!
Chín lớp trôi dầu, trời cũng muốn;
Bốn mùa mỏi mắt, đá con trông.
Qua rằm, trăng đã tròn hin bong!
Lỡ lứa, cây đa trắng toát bong!
Ông Huyện ba-la dầu gạp-gỡ
Tương-tư một ganh nhẹ bằng lông.

Và cả một bài thơ của cụ Tam-Nguyên.

Bực gì bằng gái chực phòng không
Tơ-tưởng ai chung một tấm chồng!
Trên gác, rồng mây ngao-ngán nhẽ!
Bên giời, cá nước ngẩn ngơ trông...
Mua vui, lắm lúc cười, cười gượng...
Bán dại nhiều khi nói, nói bông...
Mới biết có chồng như có cánh
Giang sơn gánh vác nhẹ bằng lông.

Để kết luận rằng: bài thơ phỗng đá

Ông đứng làm chi đấy? hỡi ông!
Trơ trơ như đá vững như đồng!
Đêm ngày coi-sóc cho ai đó?
Bể cạn, non mòn, có biết không?

Không kể chi đến cái hay dở của nó, chỉ nói đến cái cỗi-rễ của nó, thì nó chỉ có thể cùng một tác-giả với bài thứ ba trên này, nghĩa là tác-phẩm của cụ Tam-Nguyên Nguyễn Khuyến, chứ không thể cùng một tác-giả với hai bài thứ nhất thứ nhì, nghĩa là tác-phẩm của cụ Tam-Xuyên Tôn-thất Mỹ được.

Thưa ông Việt-Thường, tôi nói thế là hết, và cũng xin theo phép lịch-sự mà giơ tay tưởng-tượng đón tay tưởng-tượng của ông trong sự tưởng-tượng.

NGUYỄN PHƯỜNG

T. B.— Tôi xin nhận rằng ông V. T. nói có lý khi ông bẻ hai chữ « đó » và « đấy ». Song theo ý riêng tôi thì cứ để chữ « đấy » ở câu nhất, vì chữ « đấy » đủ nghĩa hơn chữ « thế », để ở câu nhất nó mới đủ bao-quát được cả bài. Còn chữ « thế » đem xuống câu tam, thì làm cho bài thơ có vẻ lưu-loát hơn. Vậy bài thơ nó sẽ như thế này :

Ông đứng làm chi đấy? hỡi ông!
Trơ trơ như đá, vững như đồng!
Đêm ngày coi-sóc cho ai thế?
Bể cạn, non mòn, có biết không?

Xin nhắc lại rằng đây là theo ý riêng tôi, bàn thêm cho vui, chứ không dám bảo rằng cụ Tam-Nguyên ngày xưa viết như thế. Nếu quả cụ có viết thế thực, cũng thì chỉ là một sự ngẫu-nhiên của tôi mà thôi.

NG. PH.

Bản chí

Cần cổ động viên để đi các tỉnh thu tiền và lấy thêm độc-giả, vậy ai muốn làm, cần có những điều-kiện này :

1·] Phải là người trên 20 tuổi.

2·] Có bằng Sơ học pháp việt.

3·] Có ký quỹ từ 50 p. đến 100 p.

4·] Có tính hạnh tốt.

Xin viết thư cho bản chí và nhớ kèm theo tem để trả lời.

TRI-TÂN

Sách mới

Tri-Tân nhận được :

1·] *Lông ngỗng gieo tình*, tiểu-thuyết lịch-sử bằng thơ, tả mối tình của chàng Trọng-Thủy và nàng Mỵ Châu. Tác-giả là Việt-Châu, do « Kim-Cui » xuất-bản. Giá 0 p, 70.

2·] *Mối thù truyền-nghiệp*, chuyện trinh-thám của B. H. P. trong loại « sách Giải-Trí » do Hàn-Thuyên xuất-bản.

Sách dầy 124 trang, bìa có tranh vẽ, giá 0 p, 50.

3·] *La nouvelle organisation économique* của Louis Alben, do phủ Toàn-Quyền xuất bản.

Xin cảm-ơn các tác-giả, nhà xuất-bản và vui lòng giới-thiệu với độc giả.

Bia Văn-miếu

Những ông nghè triều Lê

Số 27

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

BIA thứ tư, hiện còn dựng ở Văn-miếu Hà-thành, đề là *Quang-thuận thất niên bính-tuất khoa tiến sĩ đề danh ký* nghĩa là bài ký đề tên tiến-sĩ khoa bính-tuất năm Quang-thuận thứ bảy 1466 đời Lê Thánh-tôn 1460-1497 Nguyên-văn chữ nho dịch ra sau đây :

« Gặp giúp nhà vua, văn-minh thịnh trị chuộng dùng người tài-giỏi, khoa-mục thịnh-hành. Năm bính-tuất hiệu Quang-thuận thứ bảy 1466 vừa gặp kỳ thi, bộ Lễ họp những học trò chăm học quan quang một nghìn hơn một trăm người, xét tài năng, chọn người giỏi được hai mươi bảy người.

« Ngày 12 tháng ba, vua ngự cửa Kính-thiên tự ra đầu đề, sai các quan Đề-điệu là : sùng tiến nhập-nội hữu-đô-đốc, kiêm thái-tử thiếu-bảo, Lê cảnh-Huy quyền chính-sự viện thượng-thư, kiêm Cần-đức-điện đại-học sĩ, thái-tử tân khách, Nguyễn như-Đỗ ; Giám thí là Hàn lâm-viện đại-học-sĩ, quyền Ngự-sử-đài ngự-sử đại phu, Trần-Bàn, và các quan liêu thuộc, chức nào việc ấy, không ai là không kính cẩn nghiêm-trang.

« Sáng hôm sau, các quan đọc quyển là Hàn-lâm-viện thừa-chỉ Nguyễn-Trực, Hàn-lâm-viện thừa-chỉ, quyền Hộ-bộ hữu-thị-lang, kiêm Cần đức-điện đại học-sĩ, nhập thị kinh-diên, kiêm tả-xuân phường thái-tử tả dụ đức Nguyễn cư-Đạo, Hàn lâm viện học sĩ, hành Hải-tây đạy tuyên chính-sứ-ty tham tri, kiêm Bí-thư giám học sĩ Vũ vĩnh-Trinh, bưng quyển lên đọc.

« Thánh thượng thân xem quyết định cao thấp cho lũ Dương như-Châu tám người đỗ tiến-sĩ, lũ Nguyễn nhân-Thiếp mười chín người đỗ đồng-tiến-sĩ.

« Ngày 26 làm lễ xướng danh, ban cho ân mệnh, quan bộ Lễ bưng bảng vàng, yết ở ngoài cửa Đông-hoa, để tỏ vinh diệu, lại cho mũ áo yến tiệc.

« Mồng ba tháng ba nhuận, các người đỗ tiến-sĩ vinh qui, triều đình hậu đãi, kẻ đa sĩ nhiều học trò giỏi được ơn vua, vẻ vang như thế là rất mực.

« Lúc bấy giờ bia ký đề tên chưa dựng. Năm nay là năm giáp thìn, hiệu Hồng-đức thứ mười lăm 1484 sai thần là Văn-Lễ soạn văn khắc bia, đặt ở cửa hiền quan tức là Văn miếu cho đủ thịnh điển

« Thần tự nghĩ là kẻ vụ lâu, đâu dám phô bày Ngửa trông đức Thánh thiên tử gia ơn cho kẻ nhân tài, làm kế lo xa cho thế-đạo tư văn, mưu lớn phép hay, để lại đời sau. Thần kính vâng đức-âm, cảm kích vui mừng khôn xiết, chắp tay cúi đầu mà nói rằng :

« Giời đất vô tâm mà nên đức hóa, nhờ bốn mùa để giúp công ; thánh nhân hữu tâm mà không làm, dùng người hiền tài để giúp trị. Nhân tài đối với quốc-gia quan hệ rất lớn. Tất có đào tạo, sau mới có nhân tài ; tất có cất đặt, sau trong nước mới không sót người hiền.

« Kể từ Đường, Ngu, Tam-đại, xuống đến Hán, Đường, Tống, dựng nhà Tường, nhà Tự, nhà học-hiệu, để đào tạo nhân tài, đặt phép khoa cử tân hưng để kén chọn nhân tài; tuy hiệu-quả trị nước hay dở khác nhau, nhưng tất phải lấy việc được người hiền làm việc trước

« Đức Thái-tổ Cao hoàng đế thánh-triều tức là Lê Lợi, 1418 1433 dẹp yên bờ cõi, giáo dục anh tài, rộng tìm thi cầu kẻ tạo sĩ, tiến sĩ đón với thời thi kén học sĩ. Tuy tên khoa tiến sĩ chưa đặt, mà khí mạch tư văn tức là đạo nho đã hoàn toàn, ai bảo rằng nhân tài một đời được thịnh chẳng cỗi gốc từ đấy ư ?

« Đức Thái-tôn Văn hoàng-đế 1433 1442 sáng noi tiên chí, phấn chấn nho phong, hưng khởi hiền tài trong thiên hạ, người giỏi đến như mây họp Xem lễ phép của tiên vương, khoa mục đổi theo lối mới, kể từ năm nhâm tuất 1442, khai khoa, mọi kẻ nhân tài được đúng cách thức, cổ động khí anh-hào bốn bề mở rộng khí vận về văn chương ức muôn năm thịnh vượng há chẳng phải bảo rằng giúp cho con cháu ta, đều được chính đáng, không thiếu » ?

« Đức Nhân-Tôn hoàng-đế 1442-1459 giữ gìn nền nếp cũ, sửa sang khuôn phép, trọng khoa cử, nhân-văn càng rõ.

« Đến Hoàng-thượng (tức là Lê Thánh-Tôn, 1460-1497 ngôi ở quân-sư ức triệu dân, gồm phép tắc hoàng-vương, cất dùng kẻ nho-nhã, sửa sang vận thái-bình.

Thống-chế PÉTAIN đã nói:

« Hội nghị không phải là trường-đua để tranh-dành quyền-tước hay là phát-triển mưu-mô vụ-lợi.

Nhiệm-vụ của Hội-nghị là giải-bày ý-kiến sáng-xuốt với Quốc-trưởng có trọng-trách trị dân »

« Quí-mùi 1463 là khoa thứ nhất đời trung hưng, cách chọn lấy nhân tài lạ thịnh hơn trước Bởi các vị tiền thánh xếp đặt đào tạo rất hậu đến bây giờ thì sẵn hoa ăn quả, như lấy gỗ kỷ, gỗ tử mà làm cột làm xà

« Song từ năm Nhâm-tuất 1442 đến năm Quí-mùi 1463, hoặc sáu năm một lần thi, hoặc năm năm một khoa, lòng Hoàng-thượng còn cho là chưa đủ, để chiêu-tập nhiều kẻ sĩ-phu Bèn xem Hội-thông làm điển-lễ châm chước định phép, ba năm một khoa, lấy năm Bính-tuất 1466 làm đầu. Phàm người đỗ đều xứng đáng Ở con đường văn học chính sự, dùng chức tuyên hóa nuôi dân, chính là gốc từ lúc kén chọn này.

« Nay về sau chế-độ càng rõ, di-văn càng đủ, hội thi đăng khoa có sách, đã đủ rõ đời nay thịnh minh, để tên khắc đá có bia, lại đủ tỏ sự khuyến-khích cho đời sau. Vậy thời người đã đỗ để tên, nên ghi nhớ long ân, lòng trung-tiết như đá, để lo toan báo đền. Kẻ đa sĩ ngó mắt đến, cũng đem lòng trung nghĩa cảm kích, dùi mài kinh sử, để mong trọng dụng, như thế đủ thấy những kẻ khôi-kiệt chân-tài lũ - lượt ra, lấy văn chương vẻ vang cho nước, lấy đạo - đức giúp đời Làm cho quân-dân như Nghiêu, Thuấn, làm cho lễ-nhạc như Ân, Chu, nhân tài được nhiều, trị-hiệu được thịnh, rõ ràng thay, càng lâu xa càng sáng tỏ. Thế thì thánh-thần dựng đặt qui mô, sửa sang phong hóa, chẳng những làm vẻ vang trong một thời, lại làm rõ cái phúc lớn cho muôn đời. Việc cổ-vũ hưng - khởi, công đào - tạo chuyển vần, lớn cùng giời đất, công ngang tạo hóa, lâu dài vô hạn, thái hòa khắp nơi, nên bảo khuôn phép giời đất không hơn, uốn nên muôn vật không sót, đức tốt nghiệp lớn đến đây rất mực. Kính chép.

« Mậu-lâm-lang Đông-các hiệu-thư Đàm Văn-Lễ phụng sắc soạn. — Cần-sự lang-trung thư giám chính tự Nguyễn Tủng phụng sắc thư. — Mậu-lâm lang Kim-quang-môn đãi chiếu Tô Ngại phụng sắc triện.

« Dựng ngày rằm tháng tám năm Hồng - đức thứ mười lăm 1484.

Còn nữa

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

Cải chính

T. T. số 51, trang 16, cột 2, giòng 28: « Ý-nghĩa », xin đọc là « ý nghĩ »

T. T. số 52 trang 10, cột 2 giòng 17: « Schopenfrauer », xin đọc là « Schopenhauer ».

T. T. số 53, trang 11, cột 2, giòng 42: « Ông Sandhi », xin đọc là « Gandhi ».

Thanh-minh

Bấy nay, vì nhà in thiếu những dấu ngoặc đơn, nên có nhiều bài, nhất là bài « Tra nghĩa chữ nho » ở T. T- số 53, không đặt được đủ parentheses Xin các ban đọc tế nhận và lượng thứ cho. Cảm tạ.

Hộp thơ

Ô. Khảm, Tong — Tri-Tân thiếu số 4, 5, và 18. Ông cần thì gửi mandat về. Mandat hôm trước tiếp được rồi.

Ô. Phác. — Vân-Cát. Tri-Tân số 46 ở nhà báo hết. Đợi khi nào có sẽ gửi xuống ông.

Đón coi:

Quyền tác-giả của LÊ-THANH

Cách xếp-đặt chữ nho trong tự-điển của ĐÀO TRỌNG-ĐỦ

Phan huy-Chú với bộ « Lịch-triều hiến-chương » của HOA-BẰNG

Phê-bình « Kinh cầu tự » của HUY-CẬN

Hội-Thống VŨ VĂN-LỢI *viết*

Tin vắn hằng tuần

QUỐC-TẾ

Mỹ đã gửi quân sang giữ Ấn-độ,

Trong hai trận phi-cơ Nhật đánh Hành-dương. Không-quân Mỹ ở Tàu bị hại lớn

Sau năm năm chiến tranh, Nhật đã phá hủy được 2154 phi cơ và 100000 tấn chiến hạm của Tàu.

Quân Đức tiến đánh trên mặt trận Nga dài 1.200 cây số, phá vỡ được mặt trận Nga ở trước Mạc-tư-khoa và ở Ukraine; một đạo đã vượt qua thượng-lưu sông Don.

Thống-chế Rommel có lẽ bị thương ở Ai-cập.

42000 quân Tàu và Anh bị chết ở Diến điện.

3 trung úy và 46 phi công Nhật đã tự hi sinh trong trận Hawai.

Toàn thể Hồng quân bị nguy sau khi Voronej bị hạ Nga khởi hết quân trừ-bị để cố chặn cuộc tấn công của Đức. Chiến xa hạng cực nặng của Nga cũng phải xuất trận.

Tại Ai-cập, hữu-dực Đức bị dồn về phía tây bắc.

ĐÔNG-DƯƠNG

Một tuần lễ triển-lãm báo sách và ảnh các văn nhân, thi - nhân Việt-nam.

Từ 11 đến 18 Juillet 1942, nhà sách Nguyễn khánh-Đàm ở Saigon sẽ tổ chức cuộc triển lãm báo sách và ảnh các văn nhân thi nhân Việt-nam tại hiệu ông.

Mong rằng cuộc triển lãm ấy sẽ có kết quả tốt đẹp. T-T

Chiều thôn dã

Mấy mảnh nắng tàn treo ngọn cao
Hoàng-hôn len-lén bước chân vào...
Mờ-mờ sương khói vờn theo gió.
Hơi mát dồn lên tự mặt ao.
Chân trời mờ nhạt núi-non xa.
Một buổi chiều hôm rụng nắng tà.
Lấp - ló sườn non vành bán nguyệt:
Thoi vàng hay chỉ mảnh dương sa?
Chợ tàn, quang gánh nhẹ đôi vai.
Đường hẹp lần phơi tấm vải dài...
Lũ - lượt bước dần đôi lứa bạn...
Thềm nhà có kẻ đứng trông ai...

CÔ CẨM-LAI

Tri Tân đọc thơ

Tiếp theo trang 5

« Ai thề như mới hôm qua,
« Lấy nhau không được chẳng thà chết đi »

Nhàm

Nhưng khốn nỗi, gia pháp còn nghiêm, thân nhi nữ phải ép mình tuân lệnh để đền công dưỡng dục mà đành mang tiếng con người phụ bạc :

« Phận gái vì theo lề ép nồng
« Đã về Chiêm quốc như Huyền Trân »

Nhạc Xuân

Nên khiến thi sĩ đã từng ngao-ngán nhẽ :

« Em đã sang Ngang với một người,
« Anh còn giồng cải nữa hay thôi ?
« Đêm qua mơ thấy hai con bướm
« Khép cánh tình chung ở giữa giời ! »

Cảnh biệt-ly, kẻ ở người đi đã làm cho khách đa tình phải cùng tháng ngày ôm hận mà ràn-rụa những nỗi nhớ-thương :

« Sớm nay sương xuống đầy làng,
« Tưởng như khói pháo đưa nàng năm xưa
« Nàng về, kẻ đón, người đưa,
« Tôi chờ gì nữa mà chưa giang hồ ? »

Vu quy

∴

Những câu thơ dở

Đọc những câu thơ mà tôi trí h trên đây, độc-giả thấy chúng tuy không được tuyệt diệu, nhưng cũng nhẹ-nhàng bay-bướm.

Chúng chứng thực rằng thi-sĩ Nguyễn Bính cũng có tâm hồn thi-sĩ, biết cảm những cái nên thơ, biết du-dương lòng mình trong những phút đau thương bằng những vần điệu êm-đềm nhẽ-nhẹ.

Ông đã tỏ ra rằng ở chiếc đàn lòng của ông, cái giây thương nhớ là cái giây rung-động hơn hết.

Nếu toàn tập có những câu như trên thì, với thời-gian, với sự cố-gắng, với sức rèn luyện tâm-hồn trong trường đời, ông Nguyễn Bính sẽ có hi-vọng trở nên một thi-nhân nổi tiếng trong làng ngâm vịnh.

Nhưng tiếc thay, bên cạnh những câu nhẹ-nhàng đó, chúng ta thấy nhiều câu đã quảng cáo một cách không hay cho thi-sĩ.

Độc-giả hãy cùng tôi đọc những câu sau đây chẳng có gì đáng gọi là « thơ » cả :

« Uống rượu xuông thường và rất nhớ,
« Một người yêu ở một phương trời »

Mùa đông nhớ cố nhâu

« Nhớ-nhung trắng-xóa cả mây trời
« Trắng xóa hồn tôi, ai nhớ tôi ? »

Nhớ người trong nắng

Bốn câu dưới đây lại ngớ-ngẩn một cách buồn cười :

« Trong hơi chăn ấm như hơi nắng
« Ngủ chẳng về cho, ngủ giả rờ ».

Mưa

« Thôn tôi vào đám hai ngày chẵn
« Chỉ có chèo không nhưng cũng vui ».

Cuối tháng ba

Lắm lúc ông Nguyễn Bính tỏ ra mình như chú khán nơi thôn-dã làm vè để chêu ghẹo một cô gái quê :

« Cái quạt mười tám cái nan,
« Anh phất vào đấy vô vàn nhớ nhung »,

. . . . . .

« Em ơi, công chúa là em,
« Anh là quan trạng đi xem hoa về »

Đề-quạt

« Bao giờ rời được nhau ra,
« Bởi tôi là sắt, nàng là nam-châm ».

Tây-Thi

« Vớt lên thả xuống sao đành,
« Anh gửi cho mình, giữ lấy, mình ơi ? »

Thư lá vàng

Đọc những câu trên đây, độc-giả tưởng như đứng trước một đám hát quan họ mà ông Nguyễn Bính đứng xem đã làm hộ những người hát.

Ngoài ra, lại có những câu gò gẫm một cách khó khăn tuồng như lúc làm, nàng Thơ đã ruồng bỏ tác-giả « *Hương cố nhân* » mà chấp cánh bay đi nơi khác như tỏ ý rắn-rỏi :

« Giả anh có phép thần tiên
« Bắc cầu bằng bút, đan thuyền bằng thư
« Đem tìm đắp đập cây cừ,
« Anh lên trên ấy đã từ ngày xưa.

Nước mấy lần xanh.

Những câu sau này vừa nhạt-nhẽo, vừa sống sượng, tìm thấy rất dễ trong tập thơ :

« Pháo cưới chẳng hôm nào chẳng nổ,
« Tình xa lăng-lắc dưới chân bông !

Mùa đông gửi cố-nhân

« Vội vàng chi mấy có Thơ !
« Áo bông tay ấm nhưng chưa bằng chồng ».

Giờ rét

Ngoài những câu thơ đó ta lại thấy nhiều câu khác vừa non nớt, vừa ẻo-lả.

Đọc hai câu này :

« Sông Thương cách mấy tiền đò
« Chợ Hoàng họp đến bao giờ mới tan ? »

Vu quy

Ta không khỏi nhớ đến hai câu của thi sĩ Tản Đà để trong «Truyện thế gian»:

«Sông sâu nước đục lờ lờ,
«Ông về bên ấy, bao giờ ông lại sang ?»

Phải chăng khi viết hai câu trên, ông Nguyễn Bính đã nhớ tới hai câu dưới ?

Đọc toàn tập, ta thấy thi-sĩ Nguyễn Bính có một tâm hồn rất ủy-mỵ. Thi-sĩ đã thất vọng vì tình. Thi sĩ làm thơ khêu gợi những kỷ-niệm xa xăm của những ngày ân ái cũ, cái đó không đáng trách.

Nhưng điều đáng công kích hơn hết là vì tình duyên lỗi bẹn mà thi sĩ khóc rền rĩ ngày đêm như một đứa trẻ lên ba nổi cơn sài.!

«Thường thì em khóc về đêm,
«Bảo rằng đừng nữa khốn quen nết rồi.
«Nín làm sao được, chị ơi !
«Tính ra mười mấy tháng giời em xa.

Không phải thi-sĩ đã khóc một, hay vài buổi nhưng đã khóc hàng tháng như lời thú tội của thi sĩ :

«Khi nào chị có qua thăm,
«Cho em lần nữa chiếc khăn lụa hồng,
«Cầm cho hai tháng là cùng
«Khóc như em, mấy khăn hồng chả phai»

Thư cho chị

Trông thấy một người đàn bà hay một con trẻ khóc, chúng ta có khi còn động lòng trắc ẩn mà lựa lời thăm hỏi Nhưng thấy một người đàn ông ngồi khóc chúng ta không những không thèm hỏi, mà lại khinh là đằng khác ; vì đã nên trang niên-thiếu thì rên-rỉ là hèn nhát, khóc than là yếu ớt, là ủy-mỵ, và van lơn cầu khẩn là ti-tiện, đê hèn.

Cảm tưởng của độc-giả thế nào khi độc-giả thấy thi sĩ Nguyễn Bính chỉ vì một cớ nhỏ-nhen mà khóc hoài :

«Từ đấy buồng tôi không có hoa
«Khóc lên nhật ký, khóc cho nhòa,
«Giời còn bắt sống còn mang hận
«Chả chết cho thành một đám ma.»

Những trang nhật ký

Thi-sĩ còn thèm khóc nữa và đã chán nản cuộc đời vì . . . . . trời ơi, «cao-thượng» thay, chỉ vì không lấy được người yên :

«Cho tôi được khóc vì tôi thấy
«Tôi đã tan - hoang cả kiếp người»

Cho tôi được khóc

Và thi-sĩ đã chán-nản một cách dại dột :

«Tóc tôi để bạc cho già
«Đời tôi để rụng cho là đời tôi !»

Tôi còn nhớ lắm

∴

Sau khi đọc

Đọc xong tập thơ, tôi còn nhớ bốn câu thơ thi-sĩ Nguyễn Bính đã tự hỏi trong bài « những trang nhật ký » :

« Nhật ký nhòa đi mất cả rồi.
« Chỉ còn vết mực ố hoen thôi !
« Biết rằng nên xé hay nên đốt
« Hay để mà thương đến mãn đời ?

Ông Nguyễn Bính chớ nên do dự ! Tôi xin nói thẳng thắn rằng tôi không thù ghét gì ông, mặc dầu trong tập thơ ông có ít lời bay bướm, nhưng với trạng thái tinh thần của ông mà tôi vừa sơ phác trên đây, với những câu thơ « khóc » của ông, thì cả tập thơ « Hương cố nhân » ông nên xé đi ngay lập tức và nên đốt ngay đi cho nó mất tích một tâm hồn ốm yếu nhơ nhuốc đến cả những người cầm bút và hại đến cả thanh danh của toàn thể thanh-niên Nam-việt !

Ông nghĩ sao nếu một người ngoại quốc đọc đến tập thơ ông mà thấy ông chỉ vì có một cớ nhỏ nhen là không lấy được người yêu mà than, mà khóc, mà phá hủy đời niên-thiếu, thì họ sẽ phê-bình và phỉ-nhổ thanh-niên chúng ta ra sao ?

Tôi vẫn biết, trong những giờ phút chán nản, tình yêu cần để ấp-ủ lòng người, nhưng tình yêu không phải là lẽ sống duy nhất ở đời. Ngoài tình yêu, chúng ta còn có gia-đình, còn có xã hội, còn có non sông đất nước đã hun đúc nên ta.

Sống giữa lúc bom đạn nổ inh tai, lửa chiến tranh bùng cháy khắp mọi nơi, các thanh niên thế giới đang đua nhau hy sinh cho lý tưởng, đua nhau sả thân vì tổ quốc, vui lòng nhắm mắt bên bờ nghĩa vụ, thì ở nước Nam nhà, một thanh niên làm thơ khóc lóc vì tình duyên trắc-trở và muốn hủy-hoại thân-thể mình, phải chăng đó là một điều đáng buồn cho tương-lai đất nước ?

Hỡi các thi-nhân !

Tôi vẫn biết người là con cưng của Tạo-hóa, người có tâm-hồn đa cảm sớm biết rung-động trước vẻ đẹp của ngày hè tươi-sáng, hay sớm biết gầy những « sợi tơ lòng » trước cảnh chiều đông, mưa phùn, gió rét.

Trước làn sóng rung-rinh của những nhành lục liễu rủ trên gương hồ biếc, không ai ngăn thi nhân đừng ngâm vịnh mà không « gọi gió, gọi thông lên tiếng họa ».

Trước những nỗi đau-thương thê-thảm của đời, ai cấm thi-nhân không được,

« Trăm ngàn năm nẩy mãi sợi tơ lòng
« Ca những khúc sầu vui, tình thiên-hạ »

Thế Lữ : Mấy vần thơ

Vì quả như lời thi-sĩ Musset đã nói trong bài thơ *« La nuit de Mai »* :

« Les plus désespérés sont les chants les plus beaux
« Et j'en sais d'immortels qui sont de purs sanglots »

mà thi-sĩ Nguyễn-Giang đã dịch gần được sát ý trong « Danh văn Âu Mỹ » :

« Văn thanh cầm tú trong đời
« Những câu tuyệt diệu ấy lời xót-xa ! »

Hỡi các thi-nhân, người hãy nhận chân cái nhiệm-vụ của thi-nhân !

Người đừng đem cái thất-vọng vô căn-cứ làm tê liệt những hi-vọng của đất nước. Người đừng ca tụng những thú vui nhục dục mê hồn mà chôn vùi nguồn sinh-lực của giống - nòi.

Người hãy gieo - rắc bằng những vần điệu huyền ảo vào trong mọi người cái thú say-sưa của một cuộc đắc-thắng mãnh-liệt giữa những cám-dỗ đê-hèn của đời vật-chất với những bổn-phận thiêng - liêng làm người làm dân trong những giờ phút phục hưng này của gia-đình, của đất nước.

Người hãy là những đạo - sĩ (être des mages) như điều mong-ước của nhà đại-thi-hào Victor Hugo mà tìm một con đường sáng cho người đồng chủng.

PHẠM MẠNH-PHAN

Tùy hứng

THI-NHÂN VỚI LÝ-TƯỞNG

Kính tặng hương-hồn những thi-sĩ
đã phung-phí đời trong trụy-lạc
vì xả thân đi tìm thi-hứng lạ.

MINH-TUYỀN

Ấy ai lặn ngụp nơi ô-uế,
Mải miết đi mò kiếm ngọc châu ?
Ấy hồn lảo-đảo nhà thi-sĩ
Lượm hứng siêu-phàm đáy vực sâu.

Chàng đã giấn thân trong bể ái
Nhuốc-nhơ, đen xạm quá tanh-hôi,
Nhắm mắt, văng mình, ôm nước xoáy,
Mặc giòng vẩn đục cuốn cùng lôi.

Ôi, phút đầu tiên ! Bao mát mẻ ?
Mát da, mát thịt, mát thần-kinh,
Mát thấu cùng xương, vào não tủy,
Mát sôi-nổi nóng cõi tâm-tình.

Đầu lưỡi tê-tê bao khoái lạc,
Chứa chan mỹ-vị món yêu đương,
Trộn lẫn chua, cay, bùi, mặn, chát :
Xôn-xao rạo-rực khoảng tâm trường

Toàn thân tỏa bốc mùi thơm ngát.
Mùi thuốc mê hồn, bạt phách xiêu :
Tản bay phần trí, rung phần xác
Theo nhịp hương đưa tựa sóng chiều

Muôn điệu du-dương trong tiếng thở,
Trong rên rỉ sướng, giọng con tim,
Trong máu dập dồn, trong ngực nở.
Diễn say-sưa khúc, nhạc êm đềm.

Khi mắt lờ-đờ, khi sáng quắc,
Khi đường gân uốn nét mỵ cong,
Sắc trắng, đứng đầu trong vạn sắc :
Sắc hun lửa muốn, nấu sôi lòng.

Hồn xoay theo điệu cuồng phong xoáy,
Thi-sĩ chìm sâu đáy bể tình,
Nhưng dẫu mê-man hay ngắc-ngoải,
Vẫn ôm lý-tưởng đặt trên mình.

.·.

Lý-tưởng : cỗ khơi nguồn tuyệt-mỹ
Trong ghê tởm xấu khiếp muôn đời,
Cố tìm ánh sáng, tia chân-lý,
Trong tối sâu-xa khắp gậm trời.

Lý-tưởng : phát minh thi-hứng lạ
Chốn không thi hứng của thời qua,
Hòa nhạc mông-mênh trong vũ-trụ
Với âm-ý nhạc đáy tâm ta.

Thơ với nhạc như hồn với xác.
Muôn hình, thơ biến với thời-gian.
Vạn trạng đổi thay trong điệu nhạc
Diễn trưng thi-thể hợp hoàn-toàn :

Điệu gắt gay, dập dồn, trúc trắc,
Hoặc chậm, nhanh, uể-oải, dạt dào,
Điệu cộc-lốc, du-dương, réo-rắt,
Hoặc êm-đềm, mạnh-mẽ, lao-đao ,

Khắc vẽ tinh-vi bao cảm-giác
Của ngũ quan va-chạm vật ngoài,
Bao sóng lan tràn trong ý-thức,
Thơ là nghệ-thuật với muôn đời.

Ai muốn đánh đai vòng vũ-trụ,
Đánh đai khối óc của loài người,
Ngờ lẽ hủy-tiêu cùng tiến-hóa,
Hãy bầy khuôn phép nặn thơ chơi

Mang hiệu vô-song hay tuyệt-đối,
Ước mong thiên-hạ ép mình theo,
Làm thang quý-giá cho danh lợi
Vĩnh-viễn đời đời giữa tiếng reo !

Thơ tựa hai vô-cùng nhớn, nhỏ,
Mở ra, bao-quát cả doanh-hoàn,
Thu vào, rút gọn trong nguyên-tử,
Biến dạng khôn lường chốn thế-gian,

Có khi lồng-lộng, thâm-trầm quá,
Chỉ để nhà thơ hiểu biết riêng.
Hỡi ! Hỡi ! Ai ơi ! xin chớ lạ :
Phép trời mầu-nhiệm với thiêng liêng,

Chỉ có chân-tu và thiện chủng
Thấu cùng sắc sắc với không không,
Đội ơn Thượng-đế ban ân sủng,
Mới được tỏ-tường có mắt trông.

Thi-nhân hướng-dẫn nhà khoa học
Theo đường trực-giác quá huyền-vi,
Bí-hiểm, cao-siêu nơi trí óc
Tới kho tạo-hóa chứa lý-kỳ.

Thơ ấy cầu mây muôn sắc đẹp
Bắc từ cụ-thể tới vô hình,
Ấy thế giới chung cho kẻ chết
Người còn trao đổi chuyện tâm-tình.

Thơ in dấu-vết, mầu thời-đại
Thơ phản hào-quang chiếu giống nòi.
Thơ ném tiếng vang cho hiện-tại,
Xa nhìn tấn bộ của tương-lai.

Bay bổng nhưng không quên sự thực,
Không đi ngược bản tính loài người,
Thơ vận điện, tung luồng dẫn-lực
Tới hòa-bình nhân-loại đời-đời.

Thơ khóc máu người, thơ ủ-rũ,
Xướng to lý-tưởng giữa từng không,
Lý-tưởng : «Đi chinh phục vũ-trụ
Mở cùng Tạo hóa cuộc tranh-hùng » ;

Lý-tưởng ngàn năm phù hợp với
Tinh-thần vật lộn, chí đè đầu,
Và sở-thích bay cao, phóng-đại,
Gỡ nạn nhân-quần sát hại nhau ;

Lý tưởng loài người muôn thế hệ
Vỗ cánh thời-gian tiến chẳng ngừng,
Mở kho huyền diệu khoa thần bí,
Trên đường khoa-học sáng tưng-bừng;

Mẹ đẻ ra cá-nhân lý tưởng
Lấy trăm năm, trí lực, chân tài,
Văn minh trình độ làm cân lượng,
Không vọt lên cao quá hạn trời.

Vũ-trụ là vô cùng vĩ-đại,
Là không nguồn ngọn với đuôi đầu,
Là trường hoạt-động cho nhân-loại
Đích đáng hơn bao trái địa cầu.

Ôi Lý-tưởng mông-mênh, trót-vót!
Nàng bay trên giấy, lượn-lờ, xoay...
Nàng từ đâu lại luồn qua óc ?
Rồi thẳng đường trời tiến tiến bay...

Nàng ngây thơ quá ! Nàng kiều-diễm
Như tơ vàng mỏng ánh bình-minh
Mơn trớn sóng xanh ngoài mặt biển,
Vuốt ve ngọc nhũ gái đồng trinh.

Ngán nỗi ! nhà thơ ta mộng tưởng
Được ôm nàng trọn kiếp trong lòng,
Được cùng nàng suốt đời sung sướng,
Khi với nàng thề với núi sông,

Thề quyết yêu nàng bằng máu nóng
Của ông cha, đất nước, trời cao,
Phó mặc cho nàng cầm vận sống,
Du hồn thơ mộng với trăng sao,

Thề chẳng rời nàng trong khoảnh khắc,
Để nàng làm hướng-đạo, phương châm,
Để nàng khuyên giải khi buồn bực,
Nàng chống nâng cho bước lỡ-lầm

Nhưng nàng là quỉ, ma, yêu quái
Hiện xuống trần gian để ghẹo người.
Ai đã mê man nàng đắm-đuối
Mà không mang hận xuống tuyền đài ?

Nhà thơ đã được nàng ban tặng
Bao phút mê-lý đảo lộn trời
Và bao khoái lạc, bao tình nặng,
Khi mới yêu nàng, má ướp môi.

Sau phút ái ân đằm thắm ấy
Là phút đầu tiên, phút thần tiên,
Nàng giựt tay ra, nàng trốn chạy,
Mặc nhà thơ gọi với, kêu, rên,

Ra công theo đuổi không ngừng bước.
Quên bẵng ngày giờ lẫn bản thân,
Lắm lúc bay cao, từng mây vượt,
Có khi lăn-lộn giữa bùn phận.

Ôi, Lý tưởng muôn phần ác nghiệt
Đi chẳng cho ai đuổi kịp cùng
Thi-sĩ của ta đã... đã chết,
Đã chết vì nàng có biết không ?

Trong chốn âm-u, sầu thảm lạ,
Chứa-chan táng-đởm với kinh-hồn,
Tối-tăm, quạnh-quẽ, tiêu-điều quá,
Xú khí xông ra lớp lớp dồn,

Thịt, xương, cân, não nhà thi sĩ
Tan biến thành thơ tản bốn phương,
Thành hương thơm ngát, lâng-lâng nhẹ,
Lên vút trời cao, hóa ánh dương ...

MINH-TUYỀN

Vài cái liệt điểm...

(Tiếp theo trang 4)

nguyên thư, với xuất xứ, với người có dính liu đến bài mình. — *Theo chỗ tôi đã nhận xét thì, ở xứ ta, phần đông nhà văn rất thiếu cái đức khiêm tốn. Họ tưởng họ là ông « thánh sống», hoặc ông «tướng con». Họ nhìn thấy rất rõ một cái rác ở mắt bạn đồng nghiệp, nhưng họ bỏ qua, không muốn thấy cái đà ở trước mắt mình. Họ không chịu phục một cái gì mặc dầu cái ấy là thiện.*

Trong một bài văn hoặc cuốn sách họ viết, họ thường hay xen vào cả từ bản ngã cho đến mê-tin. Một khi những cỏ rác ấy bị ai tỉa sạch, họ liền lớn tiếng la ó : «Sao lại bỏ đi của tôi ?» Họ quên rằng, trong một đoàn-thể nào cũng vậy, cần phải có cái đức tinh phục tòng lẽ phải thì mọi việc mới tiến hành được.

Nói đến cái «đức» không trung thực, thì nhiều nhà văn ta chắc giật được giải quán quán :

Dịch cuốn Tân quốc văn *của Tàu, người ta làm chữ «ngưu» ở bài thứ 23, trong quyển nhì, trang 23 là «con trâu». Thực ra, «ngưu» là* con bò *chứ không phải con trâu. Họ làm cách gian dối là bỏ đứt câu « kỳ nhũ khả ẩm » đi cho mất tang mất tích, cho khỏi lòi cái dốt của mình. Cứ một việc đó làm lệ, còn những trường hợp tương tự như thế không sao nói xiết.*

Họ lấy tài-liệu của người khác nhưng họ không thèm nói lấy một lời là xuất xứ ở đâu !

Tệ hơn nữa là phỏng theo một truyện của người ta, thế mà họ lại dám công nhiên đề là sáng tác !

Còn thường thường họ vẫn có cái chứng ăn không hay ăn chặn tư tưởng của người khác mà trong bài họ không buồn nói đến tên người đã giúp họ hoặc về tài-liệu, hoặc là cộng-tác !

Kể tới đây đã được đến bảy cái liệt điểm của một số nhà văn rồi, tôi không muốn nói nhiều nữa vì số bảy, theo Kinh-thánh, là số hoàn-toàn. Nhưng trước khi dừng bút tôi cần phải nói thêm một hạng nhà văn đê-tiện hơn nữa : hạng lấy cắp văn.

Chứng cớ : Hồi năm 1936 tôi có viết giúp cho tờ « Thế giới » ở Nam-kỳ. Tôi có gửi vào 1 bài đề là « Lê Quý-Đôn với bộ Vân đài loại ngữ». Sau đó, chừng năm 1939, tôi thấy bài ấy của tôi bị người ta lấy cắp mà đăng lên tờ báo «Mai». Nhưng lạ hơn nữa là : dưới kỳ la Đ. C. Thế là Đ. C. đã phạm tội lấy cắp văn tôi đó.

⁂

Những liệt-điểm tôi giải tỏ trên đây chỉ là một tờ kê-khai chứng bịnh. Nếu ai đã mắc thì nên chạy thày chạy thuốc chữa trị ngay đi. Không kể rõ bịnh ? Biết đâu mà sửa chữa được.

HOA-BẰNG

Sách khảo cứu

Truyện đức Khổng - tử.— Thuật trọn đời hy-sanh và tận tụy về phong-hóa, đạo-nghĩa của đức thánh Khổng. Ngài là một mảnh gương học hỏi, cương quyết, thanh bạch. Trọn bộ 1 quyển : 1p 00

Mấy thầy tu huyền bí.— Ở Tây-tạng và Mông-cổ. Biên những cách luyện đạo của các nhà tu trì nơi non cao đồng vắng, những phép huyền linh cực hạng người thắng phục thân tâm.

Trọn bộ 1 quyển : 1p 10

Gửi mandat thêm cước phí 0p 55

M. Đoàn-Trung-Còn

143 Rue Louvain Saigon

Mới xuất bản :

DANH NHÂN VIỆT - NAM

của PHAN TRẦN-CHÚC

Trong tủ sách Tao Đàn

Nhà TÂN-DÂN xuất bản

Toàn bộ 4 quyển, mới ra quyển 1

Mỗi quyển bản thường : 0$70

Bản đặc biệt giấy lụa dó : 4$00

Ở xa xin gửi tiền trước, thêm tiền cước mỗi quyển là 0p 30. Không gửi lĩnh hóa giao ngân. Mandat đề tên ông VŨ ĐÌNH-LONG 93, Rue du Coton — Hanoi

TIỂU THUYẾT DÀI

TRÚC MAI SUM-HỌP

Số 3 của CHU-THIÊN

PHAN phu-nhân với Tiểu-Lan đến chùa Giác - ngộ, gặp Chân-Giác thiền-sư, hai bên nhận nhau, mừng mừng, tủi tủi, nói chẳng cạn lời. Chân-Giác thiền-sư nguyên là đôi con di với phu - nhân, người vốn có tài học. Nhưng vì bất đắc chí, nên bỏ nhà đi tu từ năm mười tám tuổi, đến nay đã được ngoài bốn mươi năm rồi. Mải tiêu-dao nơi cửa Phật, Chân-Giác thiền-sư không hay về thăm quê nhà, nên đã lâu lắm không được gặp phu-nhân.

Ngày nay nhân tai - biến, phu-nhân mới lặn ngòi ngoi nước đến đây. Chân - Giác được gặp chị, trong lòng rất đỗi mừng-rỡ, sai dọn riêng một trai-phòng để phu-nhân ở với Tiểu-Lan, lại sai người hầu-hạ tháng ngày rất ân-cần. Chân-Giác còn xin đảm-nhận cả lấy công-việc đi dò thăm tin-tức Phan thượng-thư ở nơi kinh-đô ra sao để báo cho phu - nhân biết. Phu-nhân riêng mừng được nơi yên thân trong cơn nguy-khổ và thầm cảm-tạ Giời, Phật đã ban ân lớn cho mình.

Nhưng có ngờ đâu, có ngờ đâu, chính ở ngay nơi chùa Giác-ngộ ấy lại xảy ra tai-biến bất kỳ, không sao lường trước được. Phu - nhân và Tiểu - Lan ở đấy yên - thảm được tám tháng rồi, tám tháng tuy phẳng lặng buồn-tẻ, nhưng không có điều gì quá trái ý thường. Chỉ thỉnh-thoảng có xảy ra việc cãi-cọ soàng giữa con Tiểu-Lan và một tên tiểu ở trong chùa thường hay chòng ghẹo nó.

Tên tiểu ấy pháp-danh là Chân-Giới, mới ngoài hai mươi tuổi, vốn có tính hung - ác. Ngày thường Chân - Giác thiền - sư đã răn bảo nhiều, nhưng hắn vẫn ít sửa đổi đi được. Đã có lần, thiền - sư toan đuổi, sau vì hắn kêu van xin ở lại rất là thảm thiết, Chân-Giác không nỡ, bèn dung cho hắn, mong có ngày đem đạo từ - bi mà cải hoá được lòng hắn chăng.

Nhưng lòng mong mỏi của thiền-sư đã không đạt ! Tên tiểu Chân-Giới ở chùa chẳng sửa-chữa tính-nết tí nào, lại còn gây ra tội ác, sau này làm liên-lụy đến cả Chân-Giác thiền-sư nữa.

Vốn lòng hiếu sắc, nên từ khi Phan phu-nhân đến ở chùa, Chân-Giới thấy Tiểu - Lan có nhan-sắc, trong lòng thầm yêu vụng mến, đã hai ba lần buông lời xa-xôi ướm ý, đều bị Tiểu - Lan cự - tuyệt trách mắng, thành ra mấy bận cãi nhau soàng, thiền - sư phải quở mắng mới thôi. Vả lại, Tiểu-Lan càng tỏ ra dáng nghiêm trang đứng - đắn, hắn lại càng không dám suồng - sã nữa.

Giòng - giã mấy tháng giời, hắn vẫn để ý dò xét tung-tích phu-nhân cùng Tiểu - Lan.

Sau hắn biết rõ phu-nhân là vợ một quan Thượng-thư bị tội rồi, hắn mới lập sẵn mưu thâm trong bụng, rắp tâm thi-hành để chiếm lấy con người đẹp, nếu còn trái ý hắn.

Rồi một buổi sáng, Tiểu - Lan vâng mệnh phu-nhân sai ra vườn hái hoa về lễ Phật. Giời vừa mới sáng. Sương mai còn ướt ở những đầu lá. Xóm làng chưa mấy người dậy và trong chùa phu - nhân và thiền - sư, mỗi người một phòng riêng, hãy còn ngủ cả. Tiểu - Lan đương vin cành bẻ hoa, chợt chú tiểu Chân-Giới ở đâu đi đến. Giữa bầu giời im-lặng và trong-trẻo của buổi sáng, lại thêm trăm hương xông lên thơm phức, trong khung cảnh ấy, kèm một giai-nhân linh-hoạt, thì những hạng người ham sắc cầm lòng sao đang ! Lúc ấy, Chân - Giới đã ngây - ngất vì tình không thể đè nén được nữa, bèn chạy lại gần Tiểu-Lan, miệng cười lơi-lả mà rằng :

— Tiểu - Lan nàng ơi ! Từ khi nàng theo phu - nhân đến ở đây, chẳng hay duyên kiếp làm sao, khiến cho lòng tiểu-tăng đêm mơ ngày tưởng, bấy lâu trộm nhớ thầm yêu đã chồn, nay gặp nhau đây, âu cũng là duyên giời dun-dủi xui nên vậy. Dám mong đài gương kia soi đến dấu bèo này, cho tiểu-tăng được thỏa lòng khao-khát...

Nói chưa dứt lời, Tiểu-Lan đã đỏ mặt tía tai, nổi giận đùng-đùng, mắng át đi rằng :

— Quân đều - giả ! đồ ác - tăng ! đem thân nương dưới bóng Phật, mà còn ăn ở ra lòng dâm ác gian-tà, làm ô-nế cả cửa Từ-bi ! Ta đây, dẫu phận tôi-đòi, nhưng lòng trinh-bạch, quyết không bao giờ chịu để cho mày ô-nhục.

Tiểu-Lan vừa nói vừa vùng-vằng toan chạy, thì Chân-Giới đã giơ tay cản lại và nói một cách rất ngọt-ngào rằng :

— Tiểu-Lan nàng ơi ! Xin nàng chớ nên nóng-nẩy làm vậy. Hãy tạm nguôi cơn giận mà đứng lại cho tiểu-tăng được giãi tấm lòng thành. Hôm nay tiểu-tăng cũng tự biết là khi đường - đột sỗ - sàng, nhưng vì lòng khao-khát bấy lâu, nên nay nhân được buổi vắng người, vội lẻn ra đây, muốn cùng nàng tỏ chút tình riêng, xin nàng cũng vì tình mà rủ lòng yêu đến. Tiểu-tăng với nàng cũng xứng lứa vừa đôi, giai tài, gái sắc, xuân đang vừa thì, đôi ta dẫu chưa núi chỉ non thề, nhưng ở đây không hẹn mà nên, biết đâu chả phải là tiền duyên, túc trái !...

Tiểu-Lan nghe nói cả giận, mắng to lên rằng :

— Đồ súc-sinh vô lễ ! Giả tiếng tu-hành, làm điều dâm ác, ngày

nay lại chực nhục ta, ta thà liều chết còn hơn bị mày phũ-phàng động đến...

Vừa nói, Tiểu-Lan vừa lấy tay gạt mạnh tên tiểu Chân-Giới ra mà chạy một mạch về chùa.

Nàng về đến chùa, hãy còn hầm-hầm tức giận... Phu-nhân vừa thức dậy, lấy làm lạ hỏi :

— Con làm sao vậy ?

Tiểu-Lan tức-tối thưa :

— Bẩm phu-nhân, con vâng lời phu-nhân, dậy sớm ra hái hoa, bị tên ác-tiểu Chân-Giới theo ra vườn chòng ghẹo, buông những nhời vô-lễ, lại toan nài ép mây mưa, con hãy được nó ra mà chạy về đây !

— Chắc con sỉ-nhục nó nhiều lắm!

— Bẩm phu-nhân, vâng, trong cơn tức-giận, con sỉ mắng nó để tìm đường tháo thân !

Phu-nhân nghe nói, ngồi im lặng một lúc ngẫm-nghĩ, rồi cau mày thở dài mà nói rằng :

—Tiểu-Lan con ạ, tấm lòng đoan-chính của con thực là đáng khen lắm. Nhưng ta e rằng vì chuyện này mà sinh ra lắm điều phiền lụy cho ta. Đại-sư đây cũng vẫn thường nói cho ta biết Chân - Giới là đứa tiểu-nhân, quen làm sự hung - ác, hay để tâm thù oán. Mấy lần trước nó chỉ mới nói xa - xôi đều đã bị đại-sư quở ngăn đi, nó không dám làm gì nữa. Nay đột nhiên nó chêu con sỗ-sàng như vậy, chắc là có dụng-ý đấy. Thế mà lại bị con mắng nhiếc tàn tệ, tất trong lòng nó đâm ra xấu hổ và mang oán, chắc đâu nó chả nghĩ kế giả thù mà trù mưu hãm hại ta. Âu là ta phải kip từ biệt đại-sư mà dời đi nơi khác cho yên chuyện, tránh voi chẳng xấu mặt nào con ạ !

Tiểu Lan nghe nói, bèn khóc nức-nở lên mà rằng :

— Bẩm phu-nhân, nếu vậy, ra chỉ vì kẻ tiện-tì này mà để lụy đến phu-nhân. Trong lúc hoạn-nạn lưu-lạc quê người, lại gây nỗi thù-oán : kẻ tiện-tì thực đáng tội chết ! Phu-nhân ơi ! con xin một thác cho rồi, sống mà làm chi nữa, lụy mình lại lụy cả đến phu nhân, làm thân trâu ngựa phải biết đền nghĩ trúc mại, Thôi, con cũng chẳng tiếc chi đời !

Phu-nhân liền vội ôm lấy Tiểu-Lan vào lòng mà yên-ủi rằng :

— Tiểu-Lan con ơi ! Con không nên nóng-nảy như vậy, lòng con ngay thẳng tận - tụy, thấu đến cả Giời. Chẳng qua vì mệnh vận nhà ta, nên con phải tủi thân chịu nhục, Ngày nay Liên-Tường chết đi rồi. con với ta theo nhau trong lúc hoạn nạn, tình thân thực hơn mẫu tử. Con nỡ nào liều thân hoại thể mà bỏ ta bơ-vơ lại một mình hay sao ! Bấy nay ta được con quấn - quit bên cạnh mà cũng tạm khuây-khỏa nỗi lòng. Con ơi ! mẹ nói thế, nghĩa là muốn bàn ta nên kip dời bỏ chốn này, kẻo khi sóng gió bất kỳ, đại-sư cũng khó lòng mà chu toàn che chở cho mẹ con ta được !.

Tiểu-Lan khóc, nói :

— Đã hay rằng vậy, nhưng nay bốn bề không nhà, phu-nhân định đi đâu, đi đâu cũng là chỗ nguy-nan biết nơi nào là chắc chắn mà gửi thân cho được !...

Phu-nhân gượng cười nói :

— Thôi, con ạ ta cũng liều nhắm mắt đưa chân, ở đây nguy - hiểm, ta phải liệu trước chứ, không nên để lụy mình lại lụy cả đến đại - sư. Trăm sự nhờ Giời cả. Giời Phật đã thương tình mà phù hộ mẹ con ta, thì thế nào ta cũng lại gặp được nơi tử-tế, lo gì, miễn là lòng ta thành là được con ạ !

Tiểu-Lan được yên lòng nói :

— Thưa phu-nhân nghĩ thế cũng phải ; nhưng trước hết phu - nhân phải nói với đại-sư xem ý kiến đại sư thế nào ? Phu-nhân đã hỏi đại-sư chưa ?

— Ấy ta định trốn đi, thì không nên cho đại-sư biết, đại sư biết, người sẽ giữ lại không cho mẹ con ta đi nữa.

— Thưa phu-nhân, con thì con nghĩ khác, phu-nhân và con đã nương tựa cửa Phật đây bầy tám tháng giời, nhờ độ lượng của đại sư nhiều lắm. Nay thốt nhiên đi, không nói cho đại-sư biết tức là ơn sâu chưa báo, mà đã để cho người phải áy-náy trong lòng. Chi bằng phu-nhân cứ nói thực nỗi nguy-nan với đại-sư, rồi xin cho dời đi nơi khác để tránh phiền - lụy cho nhà chùa. Như thế đại-sư vừa được yên lòng và biết đâu người lại chả tìm được nơi yên ấm cho phu-nhân nương náu qua thì ?

Phan phu-nhân cười nói !

— Con cao-kiến hơn ta thật ! Vậy con đi mời đại-sư lại đây để ta thưa chuyện.

Tiểu-Lan liền chạy đi tìm Chân-Giác thiền sư. Nhưng người đi vắng. Tiểu-Lan đành trở về thưa lại với phu-nhân. Rồi hai mẹ con cùng bàn định công việc sắp làm. Chí đã định, mưu đã sẵn, phu-nhân chỉ còn đợi Chân-Giác thiền-sư về nữa là bắt đầu vào việc ngay.

Chiều tối, Chân - Giác thiền - sư đi chơi về, được tin Phan phu nhân tìm, liền lại ngay đằng trai-phòng. Phu nhân đem ý định nói cho thiền sư biết. Thiền-sư gạt đi mà rằng :

— Không việc gì phải thế.. Xin bà chị cứ ở đây. Bần-tăng không sợ gì cả. Bần-tăng có đủ phương-kế để hộ vệ cho bà chị được an toàn.

Phu-nhân đáp :

— Đã hay thế. Nhưng cứ ở đây tôi sợ hai đứa trẻ người, chúng nó chòng ghẹo nhau, rồi sinh tơ chuyện chú tiểu xấu hổ lại đi bới móc ra, tội-vạ cả đến nhà chùa nữa...

Thiền-sư vội ngắt lời :

— Điều ấy không lo. Bà chị cứ yên tâm. Bần-tăng xin đe nẹt nó dần dần. Nếu cùng nó không nghe, bần tăng đuổi nó đi là xong chuyện.

— Ấy đuổi nó đi mới nguy chứ. Nó đi tố-cáo với quan trên, mọi việc sẽ vỡ lở...

— Nó biết thế nào được. Đã đuổi nó thì phải đủ bằng-chứng, mọi việc nó bới ra sau này đều cho là vì thù riêng cả. Ta không sợ, lý ta đủ kia mà !

— Lý thì vẫn như thế. Nhưng trong bụng tôi vẫn nơm - nớp thế nào ấy. Sáng sớm hôm nay, con Tiểu-Lan ra hái hoa để cúng Phật, chú Chân Giới ra chòng ghẹo nó, nó tức mình sỉ vả thậm tệ, chú ấy hỗ thẹn dọa nạt sẽ báo thù. Tôi sợ chú ấy gây ra to chuyện thì khốn !

Còn nữa

CHU-THIÊN

QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

mới phát hành

THI-THOẠI

Dầy non 300 trang giá 2$00

Son auteur, Văn-Hạc, est connu pour son esprit. critique, aussi ce recueil abonde-t-il de détails, d'anecdotes, de notes et de commentaires variés . . . (L'OPINION n. 3.560 du 12 - 6 - 42)

ĐANG IN

LƯỢC - KHẢO VỀ MỸ - THUẬT VIỆT - NAM

Đã được cụ Nguyễn văn-Tố và nhiều báo chí Pháp Nam ngợi khen

ĐẠO SỐNG

Nghiên-cứu và phê-bình các chủ nghĩa luân lý triết học Đông Tây

Đặt sách, mua sách do nơi LÊ VĂN-HÒE giám-đốc QUỐC-HỌC THƯ-XÃ 16 bis TienTsin HANOI

SÁCH CỦA NHẬT - NHAM

Trịnh - Như - Tấu :

1 — Hưng yên địa chí Op.80
2 — Bắc giang địa chí 1.50
3 — Trịnh gia chính phả 0.40

Đều có bán tại Đông Tây thư quán

195 Phố Hàng Bông — Hanoi

Các bạn cầu may !

bỏ 1 đồng mua vé số

Đông - Pháp

biết đâu không trúng số độc đắc 10 vạn

CHÚ Ý

Các bạn mua báo và các đại-lý nhớ gửi tiền về trả cho, đa tạ. *Tri - Tân*

SẮP IN XONG

CHỮ NHO HỌC LẤY

Cử-nhân DƯƠNG BÁ-TRẠC soạn

ĐÔNG-TÂY thư quán, 195 hàng Bông Hanoi xuất bản

Mỗi quyển giá 1p00 cước 0p18 —

Các hiệu sách các nơi nên đặt mua từ bây giờ

Ô mái **Tiến Lợi** *ngon lành*

Và lơ **Tiến Lợi** *nổi danh ở đời*

Bốn trăm linh bảy Bạch-mai. Hỏi thăm cho đến tận nơi mua dùng

HÀNG MAY ÁO ĐI MƯA

Bằng lụa hoặc vải rất đẹp, nhẹ bền, không ngấm nước, ra nắng to, vào nước sôi cùng ét săng đều không chầy, không bao giờ dính quần áo.

Có đủ các mầu — Giá rất rẻ

do ETABLISSEMENT B T M chế tạo

Cần đại lý khắp mọi nơi

Viết thư về bureau de l'Établissement thương lượng cùng M. BÙI TÙNG-MẬU.

N. 36, Rue du Charbon Hanoi

Directeur: Nguyễn Tường-Phượng Administrateur Gérant ; Dương Tụ-Quán

Imp. Spéciale du Tri-Tân Hanoi